Phẩm 15 (Kinh số 182 - 191)

Kinh Trung A-Hàm (Viện CĐPH Hải Đức - VNC PHVN, 2022)

182. KINH MA ÁP (A) Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa tại nước Ương-kỳ9 cùng với đại chúng Tỳ-kheo. Ngài cùng với đại chúng Tỳ-kheo đi đến Mã Ấp, ngụ tại Mã Lâm tự. Bay giơ, đức The Ton noi vơi các thay Ty-kneo: -Người ta thấy các thầy, những vị Sa-môn? là Sa-môn. Nếu có ai hỏi các thầy, những vi Sa-môn thì các thầy có tự xưng là Sa-môn chăng? Các thầy Tỳ-kheo bạch: - Bạch Thế Tôn, có! Đức Phật lại nói: Cho nên các thầy chính vì lẽ d6, chính vì là Sa-môn5 phải học pháp như thật Sa-môn và pháp như thật Phạm chí. Sau khi đã học pháp như thật Sa-môn và pháp như thật Phạm chí, bấy giờ mới là Sa-môn chân chánh, không phải là Sa-môn hư danh. Nếu có thọ nhận áo chăn, ẩm thực, giường chõng, thuốc thang và các thứ sinh hoạt khác, những người cung cấp ấy được phước lớn, được kết quả lớn, được công đức lớn và được quả báo rộng rãi. Các thầy nên học như vậy. Thế nào là pháp như thật Sa-mon và pháp như thật Phạm chí? Thân hành thanh tịnh, hướng lên trên để sám hối, khéo léo giữ gìn, không có tỳ vết; nhân nơi thân hành thanh tịnh này mà vẫn không tư đề cao, không khinh chê người, không ô uế, không vẩn đục, được các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. Nếu các thây nghĩ răng: "Ta thân hành thanh tịnh, điêu cân làm ta đã làm xong, không cần học thêm nữa, đã thành tựu đức nghĩa, không còn làm phận sự Tỳ-kheo5\ Ta nói cho các thầy biết, không để các thầy mong cầu cứu cánh của Sa-môn mà lạc mất cứu cánh của Sa-môn. Như muốn cầu học tiến thêm nữa, Tỳ-kheo nếu thân đã thanh tịnh, lại phải làm những gì? Phải học khẩu hành thanh tịnh, hướng lên trên để sám hối, khéo léo giữ ghì, không có tỳ vết; nhân nơi khẩu hành thanh tịnh này mà vẫn không tự đề cao, không khinh chê người, không ô uế, không vẩn đục, được các vị * y y ợ @ Phạm hạnh có trí khen ngợi. Nêu các thây nghĩ răng: "Ta thân, khâu hành thanh tịnh, điêu cân làm ta đã làm xong, không cân học thêm nữa, đã thành tựu đức nghĩa, không còn làm phận sự Ty.kheo", Ta nói cho các thày biết, không để các thầy mong cầu cứu cánh của Sa-môn mà lạc mất cứu cánh của Sa-môn.

1044 KINH TRƯNG A-HÀM

Như muốn cầu học tiến thêm nữa, Tỳ-kheo nếu thân, khẩu đã thanh tịnh, lại phải làm những gì? Phải học ý hành thanh tịnh, hướng lên trên đê sám hôi, khéo léo giữ gìn, không có tỳ vét; nhân nơi ý hành thanh tinh này mà vân không tự đề cao, không khinh chê người, không ô uế, không vẩn đục, được các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi. Nêu các thây nghĩ răng: "Ta thân, khâu, ý hành thanh tịnh, điêu cân làm ta đã làm xong, không cân học thêm nữa, đã thành tựu đức nghĩa, không còn làm phận sự Ty-kheo,95 Ta nói cho các thày biết, không để các thây mong câu cứu cánh của Sa-mon mà lạc mat cứu cánh của Sa-mon. Như muôn câu học tiên thêm nữa, Ty-kheo nêu thân, khâu, ý đã thanh tịnh, lại phải làm những gì? Phải học mạng hành thanh tịnh, hướng lên trên sám hối, khéo léo giữ gìn, không có tỳ vết; nhân nơi mạng hành thanh tịnh này mà vẫn không tự đề cao, không khinh chê người, không ô uế, không vẩn đục, được các vi Phạm hạnh có trí khen ngợi. Nếu các thầy nghĩ rằng: “Ta thân, khẩu, ý, mạng hành thanh tịnh, điều cần làm ta đã làm xong, không cần học thêm nữa, đã thành tựu đức nghĩa,

không còn làm phận sự T'-kheo", Ta nói cho các thầy biết, không để các thầy mong cầu cứu cánh của Sa-mon mà lạc mất cứu cánh của Sa-mon. Như muôn câu học tiên thêm nữa, Tỳ-kheo nêu thân, khâu, ý, mạng đã thanh tịnh, lại phải làm những gì? Ty-kheo phải học thủ hộ các căn5 thường niệm tưởng sự khép kín, niệm tưởng muốn minh dạt, thủ hộ tâm mà được thành tựu, thường muốn khởi ý nghĩ: Khi mắt thấy sắc, không chấp thủ sắc tướng, không đắm nhiễm sắc vị, nghĩa là vì sự phẫn tránh mà thủ hộ nhãn căn; trong tâm không sanh tham lam, ưu não, ác bát thiện pháp, vì đê thú hướng đên nơi kia nên thủ hộ nhãn căn. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân; khi ý biết pháp, không chấp thủ pháp tướng, không đắm nhiễm pháp vị, nghĩa là vì sự phẫn tránh mà thủ hộ ý căn; trong tâm không sanh tham lam, ưu não, ác bất thiện pháp, vì để thú hướng đến nơi kia nên thủ hộ ý căn. Nếu các tìiầy nghĩ rằng: "Ta thân, khẩu, ý, mạng hành thanh tinh, thủ hộ các căn, điều cần làm ta đã làm xong, không cần học thêm nữa, đã thành tựu đức nghĩa, không còn làm phận sự Tỳ-kheo9\ Ta nói cho các thây biêt, không đê các thây mong câu cứu cánh của Sa-môn mà lạc mất cứu cánh của Sa-môn. Như muôn câu học tiên thêm nữa, Tỳ-kheo nêu thân, khâu, ý, mạng đã thanh tinh, đã thủ hộ các căn, lại phải làm những gì? Tỳ-kheo phải học biết rõ ràng sự ra vào, khéo quán sát, phân biệt; sự co duỗi, cúi ngước, nghi dung chững chạc; khéo đắp Tăng-già-lê và các y bát; đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng hay im lặng, đều có chánh tri. Nếu các thầy nghĩ rằng: "Ta thân, khẩu, ý, mạng hành thanh tịnh, thủ hộ các căn, biết rõ ràng sự ra vào, điều cần làm ta đã làm xong, không cân học thêm nữa, đã thành tựu đức nghĩa, không còn làm phận sự Ty-kheo9\ Ta nói cho các thây biêt, không đê các thây mong câu cứu cánh của Sa-môn mà lạc mất cứu cánh của Sa-môn.

182. KINH MÃ ẤP (A) 1045

Như muốn cầu học tiến thêm nữa, Tỳ-kheo nếu thân, khẩu, ý, mạng hành thanh tịnh, đã thủ hộ các căn, đã biết rõ sự ra vào, lại phải làm những gì? Tỳ- kheo phải học sông cô độc tại nơi xa văng, ở trong rừng văng, nơi góc cây, những nơi không nhàn yên tĩnh, sườn non, động đá, đất trống, lùm cây, hoặc trong rừng, hoặc giữa bãi tha ma. Vị ây sau khi ở trong rừng văng, hoặc nơi gốc cây, những nơi vắng vẻ, thanh nhàn, yên tĩnh, trải ni-sư-đàn, ngồi kiết-già, chánh thân, chánh nguyện, hướng niệm nội tâm, đoạn trừ tâm tham lam, không CÓ não hại, thây tài vật và các nhu dụng sanh sông của người khác mà không khởi lòng tham muốn khiến về mình; vi ấy đối với sự tham lam, tâm đã tịnh trừ. Cũng vậy, sân nhuê, thụy miên, trạo hôi; đoạn nghi trừ hoặc, đôi với các thiện pháp không có do dự; vi ấy đối với sự nghi hoặc, tâm đã tinh trừ. Vi ấy đã đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, ly dục, ly pháp ác, bất thiện, cho đến chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu an tru. Tỳ-kheo với đinh tâm như vậy, thanh tịnh, không ô uế, không phiền nhiệt, nhu nhuyến, khéo an trú, chứng đắc tâm bất động, thú hướng đến sự tác chứng Lậu tận trí thông. Vị ấy liền biết như thật rằng: Đây là khổ, đây là khổ tập, đây là khổ diệt, đây là khổ diệt đạo; cũng biết như thật: Đay là lậu, đây là lậu tập, đay là lậu diệt, đây là lậu diệt đạo. Vi Tỳ-kheo ấy đã biết như vậy, thấy như vậy rồi, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu, vô minh lậu; giải thoát rồi liền biết là mình đã giải thoát, biết như thật rằng: "Sịt sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điêu cân làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.,, Ta nói vị ây ỉa Sa-môn, là Phạm chí, là

Thánh, là Tinh dục. Thế nào gọi là Sa-môn? Là người đã dứt trừ các pháp ác, pháp bất thiện, các lậu ô uế, là gốc rễ của sự hữu trong tương lai, là sự phiền nhiệt, là nhân của khổ báo, của sanh, lão, bệnh, tử. Đó gọi là Sa-môn. Thế nào gọi là Phạm chí? Là người xa lìa các pháp ác, pháp bất thiện, các lậu ô uế, là gốc rễ của sự hữu trong tương lai, là sự phiền nhiệt, là nhân của khổ báo, của sanh, lão, bệnh, tử. Đó gọi là Phạm chí. Thế nào gọi là Thánh? Là người xa lìa các pháp ác, pháp bất thiện, các lậu ô uê? là góc rê của sự hữu trong tương lai, là sự phiên nhiệt, là nhân của khô báo, của sanh, lão, bệnh, tử. Đó gọi là Thánh. Thê nào gọi là Tịnh dục? Là người đã tăm rửa sạch các pháp ác, pháp bát thiện, các lậu ô uế, là gốc rễ của hữu trong tương lai, là sự phiền nhiệt, là nhân của khổ báo, của sanh, lão, bệnh, tử. Đó gọi là Tinh dục. Chính vì vậy nên gọi là Sa-môn5 là Phạm chí, là Thánh, là Tinh dục. Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

183. KINH MA ÁP (B) Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa tại nước Ương-kỳ5 cùng với đại chúng Tỳ-kheo. Ngài cùng với đại chúng Tỳ-kheo đi đên Mã Áp, ngụ tại Mã Lâm tự. Bây giơ, đức Thê Ton noi vơi các thay Tỳ-kheo: Người ta thấy các thầy, những vị Sa-môn, là Sa-môn. Nếu có ai hỏi các thây, những vị Sa-môn thì các thây có tự xưng mình là Sa-môn chăng? Các thầy Tỳ-kheo bạch: - Bạch Thế Tôn, có! Đức Phật lại nói: Cho nên các thầy chính vì lẽ đó, chính vì là Sa-môn9 phải học đạo hạnh của Sa-môn, đừng không phải là Sa-môn. Sau khi đã học đạo hạnh của Sa-môn5 bấy giờ mới là Sa-môn chân chánh, không phải là Sa-môn hư danh. Nếu có thọ nhận áo chăn, âm thực, giường chõng, thuôc thang, và các thứ sinh hoạt khác thì những người cung cấp mới được phước lớn, được kết quả lớn, được công đức lớn và được quả báo rộng rãi. Các thầy nên học như vậy. Thế nào là không phải đạo hạnh của Sa-môn, không phải là Sa-môn? Có tham lam, không bỏ tham lam; có nóng giận, không bỏ nóng giận; có sân hận, không bỏ sân hận; có oán hờn, không bỏ oán hờn; có kết oán, không bỏ kết oán; có bon xẻn, không bỏ bon xẻn; có tật đố, không bỏ tật đố; có dua nịnh, không bỏ dua nịnh; có lường gạt, không bỏ lường gạt; có tật không biết xấu, không bỏ tật không biết xấu; có tánh không biết thẹn, không bỏ tánh không biết thẹn; có ác dục, không bỏ ác dục; có tà kiến, không bỏ tà kiến. Sa-môn đó gọi là Sa-môn ô uế, là Sa-môn du siểm, là Sa-môn trá ngụy, là Sa-môn bất chính; họ sẽ sanh đến chỗ ác, chưa học hết bổn phận, không phải là đạo hạnh Sa-môn, không phải là Sa-môn. Cũng như cái búa mới rèn rát bén, đâu có mũi nhọn, bỏ trong Tăng-già-lê, Ta nói những người ngu si học đạo Sa-môn kia cũng như vậy. Nghĩa là có tham lam, không bỏ tham lam; có nóng giận, không bỏ nóng giận; có sân hận, không bỏ sân hận; có oán hờn, không bỏ oán hờn; có kết oán, không bỏ kết oán; có bon xẻn, không bỏ bon xẻn; có tật đố, không bỏ tật đố; có dua nịnh, không bỏ dua nịnh; có lường gạt, không bỏ lường gạt; có tật không biết xấu, không bỏ tật không biết xấu; có tánh không biết thẹn, không bỏ tánh không biết thẹn; có ác

dục, không bỏ ác dục; có tà kiến, không bỏ tà kiến; dù họ khoác Tăng-già-lê5 Ta không nói họ là Sa-môn. Nêu ai đăp Tăng-già-lê mà có tham lam thì bỏ tham lam, có nóng giận thì bỏ nóng giận, có sân hận thì bỏ sân hận, có oán hờn thì bỏ oán hờn, có kết oán thì

bỏ kết oán, có bon xẻn thì bỏ bon xẻn, có tật đố thì bỏ tật đố, có dua nịnh thì bỏ dua nịnh, có lường gạt thì bỏ lường gạt, có tật không biết xấu thì bỏ tật không biết xấu, có tánh không biết thẹn thì bỏ tánh không biết thẹn, có ác dục thì bỏ ác dục, có tà kiến thì bỏ tà kiến thì bạn bè thân thiết của người ây nên đên nói với người ây răng: "Này chú, chú hãy học cách đáp Tăng-già-lê. Này chú, nếu chú học cách đắp Tăng-già-lê mà có tham lam thì bỏ tham lam, có nóng giận thì bỏ nóng giận, có sân hận thì bỏ sân hận, có oán hờn thì bỏ oán hờn, có kết oán thì bỏ kết oán, có bon xẻn thì bỏ bon xẻn, có tật đố thì bỏ tật đố, có dua nịnh thì bỏ dua nịnh, có lường gạt thì bỏ lường gạt, có tật không biết xấu thì bỏ tật không biết xấu, có tánh không biết thẹn thì bỏ tánh không biết thẹn, có ác dục thì bỏ ác dục, có tà kiến thì bỏ tà kiến.” Bởi vì Ta thấy người đắp Tăng-già-lê mà vẫn có tham lam, nóng giận, sân hận, oán hờn, kết oán, bon xẻn, tật đố, dua nịnh, lường gạt, không biết xấu, không biết thẹn, ác dục và tà kiến; cho nên người đắp Tăng-già"lê ấy, Ta không nói là Sa-môn. Cũng như vậy, lõa hình, bện tóc đứng thẳng, ăn một bữa, thường tung nước, tắm nước; những Sa-môn có hạnh như vậy, Ta cũng không chấp nhận là Sa-môn. Nếu Sa-môn do tắm nước mà có tham lam bỏ tham lam, có nóng giận bỏ nóng giận, có sân hận bỏ sân hận, có oán hờn bỏ oán hờn, có kết oán bỏ kết oán, có bon xẻn bỏ bon xẻn, có tật đố bỏ tật đố, có dua ninh bỏ dua ninh, có lường gạt bỏ lường gạt, có tật không biết xấu bỏ tật không biết xấu, có tánh không biết thẹn bỏ tánh không biết thẹn, có ác dục bỏ ác dục, có tà kiến bỏ tà kiến thì bạn bè thân thiết của người ấy nên đến bảo với người ấy: uNày chú, chú nên tắm nước, vì do tắm nước mà có tham lam bỏ tham lam, có nóng giận bỏ nóng giận, có sân hận bỏ sân hận, có oán hờn bỏ oán hờn, có kết oán bỏ kết oán, có bon xẻn bỏ bon xẻn, có tật đố bỏ tật đố, có dua ninh bỏ dua nịnh, có lường gạt bỏ lường gạt, có tật không biết xấu bỏ tật không biết xấu, có tánh không biết thẹn bỏ tánh không biết thẹn, có ác dục bỏ ác dục, có tà kiến bỏ tà kiến." Bởi vì Ta thấy có người tắm nước mà vẫn có tham lam, nóng giận, sân hận, oán hờn, kết oán, bon xẻn, tật đố, dua nịnh, lường gạt, không biết xấu, không biết thẹn, ác dục và tà kiên; cho nên người tăm nước ây, Ta không chấp nhận là Sa-môn. Đó gọi là không phải đạo hạnh của Sa-môn9 không phải là Sa-môn. Thê nào là đạo hạnh của Sa-môn, chăng phải không là Sa-môn? Nêu có tham lam bỏ tham lam, có nóng giận bỏ nóng giận, có sân hận bỏ sân hận, có oán hờn bỏ oán hờn, có kết oán bỏ kết oán, có bon xẻn bỏ bon xẻn, có tật đố bỏ tật đố, có dua nịnh bỏ dua nịnh, có lường gạt bỏ lường gạt, có tật không biết xấu bỏ tật không biết xấu, có tánh không biết thẹn bỏ tánh không biết thẹn, có ác dục bỏ ác dục, có tà kiên bỏ tà kiên. Sự tật đô ây của Sa-môn, sự dua nịnh

của Sa-môn9 sự trá ngụy của Sam6n, sự tà kiến của Sa-môn đưa đến chỗ dữ đêu đã bi dứt sạch, roi học đạo hạnh của Sa-môn. Vi ây như vậy không phải không là Sa-môn. Đó là đạo hạnh của Sa-môn, không phải không là Sa-môn. Vị ấy như vậy thành tựu giới, thân thanh tịnh, miệng, ý thanh tinh, không tham lam, trong tâm không có sân nhuế, không có thụy miên, không trạo cử, không kiêu ngạo, đoạn nghi, trừ hoặc, chánh niệm, chánh trí, không ngu si. Tâm vi ấy đi đôi với từ, biên mãn một phương, thành tựu an tru. Cũng vậy, hai, ba, bôn phương, phương trên, phương dưới và bôn phương bàng, kháp tát cả, tâm của vị ấy đi đôi với từ, không kết không oán, không giận không tranh,

rất rộng rất lớn, tu vô lượng thiện, biên mãn tát cả thê gian, thành tựu an trú. Cũng vậy, tâm bi, tâm hỷ đi đôi với xả, không kết không oán, không giận không tranh, rất rộng rát lớn, tu vô lượng thiện, biên mãn tát cả thê gian, thành tựu an tru. Vi ây tự nghĩ: "C6 tho, có diệu, có tưởng, đến trên, xuất yếu, biết như that." Sau khi biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu và vô minh lậu. Sau khi đã giải thoát, vị ấy biết mình đã giải thoát: “Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điêu cân làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.,, Vi ây biết đúng như thật. Cũng như cách làng nọ không xa, có ao tắm tốt, nước trong chảy tràn, cỏ xanh phủ bờ, cây hoa bốn phía. Giả sử có một người từ phương Đông đến, bi đói khát, mệt mỏi, cởi áo bỏ trên bờ, xuống ao, mặc sức tăm rửa sạch bụi nhơ, trừ khử nóng bức và khát. Phương Nam, phương Tây, phương Bắc cũng vậy, giả sử có một người từ các phương đó đến, bị đói khát, mệt mỏi, cỏd áo bỏ trên bờ, xuống ao, mặc sức tắm rửa sạch bụi nhơ, trừ khử nóng bức và khát. Cũng vậy, một thiện nam tử dòng Sát-đế-lợi cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sông không gia đình, xuất gia học đạo, nội tâm tu tĩnh chỉ, khiên được nội tâm tĩnh chỉ. Vị này nội tâm tĩnh chí, Ta nói vị ấy là Sa-môn, là Phạm chí, là Thánh, là Tinh dục. Cũng vậy, một thiện nam tử dòng Phạm chí, cư sĩ, công sư, cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sông không gia đình, xuất gia học đạo, nội tâm tu tĩnh chỉ, khiến được nội tâm tĩnh chỉ. Người với nội tâm tĩnh chỉ, Ta nói người ấy là Sa-môn, là Phạm chí, là Thánh, là Tịnh dục. Thế nào gọi là Sa-môn? Là người đã dứt trừ các pháp ác, pháp bất thiện, các lậu ô uế, chúng là gốc rễ của hữu trong tương lai, là nhân của phiền não, khổ báo, sanh, lão, bệnh, tử. Đó gọi là Sa-môn. Thế nào gọi là Phạm chí? Là người xa lìa các pháp ác, pháp bất thiện, các lậu ô uế, chúng là gốc rễ của hữu trong tương lai, là nhân của phiền não, khổ báo, sanh, lão, bệnh, tử. Đó gọi là Phạm chí. Thế nào gọi là Thánh? Là người xa lìa các pháp ác, pháp bất thiện, các lậu ô uế, chúng là gốc rễ của hữu trong tương lai, là nhân của phiền nhiệt, khổ báo, sanh, lão, bệnh, tử. Đó gọi là Thánh.

1050 KINH TRUNG A-HÀM

Thế nào gọi là Tinh dục? Là người đã rửa sạch các pháp ác? pháp bất thiện, các lậu ô uế, chúng là gốc rễ của hữu trong tương lai, là nhân của phiền nhiệt, khổ báo, sanh, lão, bệnh, tử. Đó gọi là Tinh dục. Như thế gọi là Sa-môn, là Phạm chí, là Thánh, là Tinh dục. Đức Phật thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

184. KINH NGƯU GIÁC SA-LA LÂM (A) r . X Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa đến Bạt-kỳ-sấu, trong rừng Ngiru Giác Sa-la, cùng với số đông các Tỳ-kheo Thượng tôn tri thức đại đệ tử như Tôn giả Xá-lợi-tử, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên? Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Tôn giả A-naluật-dà, Tôn giả Ly-việt-đa, Tôn giả A-nan. Các Tỳ-kheo đại đệ tử là những vi Thượng tôn tri thức như vậy cũng cùng đi đến Bạt-kỳ-sấu, trong rừng Ngưu Giác Sa-la, ở gần bên tinh thất lá của Phật. Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Cadiếp, Tôn giả Đại Ca- chiên-diên? Tôn giả A-na-luật-đà? sau khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-tử. Tôn giả A-nan từ xa trông thấy các bậc Thượng tôn đã đi, liền bạch: Hiền giả Ly-việt-đa5

nên biết các Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên? Tôn giả A-na-luật-đà, sau khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-tử. Hiền giả Ly-việt-đa, bây giờ chúng ta có thể cùng với các bậc Thượng tôn đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-tử, hoặc giả có thể nhân cơ hội này mà được nghe pháp ít nhiều nơi Tôn giả Xá-lợi-tử. Lúc ấy, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả Đại Cadiếp, Tôn giả Đại Ca- chiên-diên, Tôn giả A-na-luật-đà9 Tôn giả Ly-việt-đa, Tôn giả A-nan, sau khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-tử. Tôn giả Xá-lợi- tử từ xa thấy các bậc Thượng tôn đã đến. Tôn giả Xá-lợi-tử nhân thấy các bậc Thượng tôn ấy nên nói: Kính chào Hiền giả A-nan! Kính chào Hiền giả A-nan! Kính chào Hiền giả A-nan! Người là thi giả của Thê Tôn, hiêu được ý nghĩa, thường được đức Thế Tôn và các bậc trí tuệ Phạm hạnh khen ngợi. Nay tôi có lời hỏi Hiền giả A-nan: Khả ái thay rừng Ngưu Giác Sa-la này! Ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Hiền giảA-nan, những hạng Tỳ- kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la? Tôn giả A-nan đáp: Tôn giả Xá-lợi-tử? nêu có Tỳ-kheo học rộng, nghe nhiêu, nhớ mãi không quên, tích lũy sự nghe nhiều. Với những pháp đoạn đầu vi diệu, đoạn giữa vi diệu và đoạn cuối cũng vi diệu, có nghĩa, có văn, đầy đủ thanh tinh, hiển hiện Phạm hạnh; những pháp như vậy được vi ấy học rộng, nghe nhiều, tập luyện

đến ngàn lần, chú ý tư duy, quán sát, thấy rõ? hiểu sâu. Vị ấy thuyết pháp gọn er gàng, lưu loát, hoàn toàn tương ưng với mục đích đoạn trừ các kiêt sử. Tôn giả Xá-lợi-tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la này. Tôn giả Xá-lợi-tử hỏi: Hiền giả Ly-việt-đa9 Hiền giả A-nan đã nói theo hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi hỏi Hiền giả Ly-việt-đa: Khả ái thay khu rừng Ngưu Giác Sa-la này! Ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Hiền giả Ly-việt-đa, hạng Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la? Tôn giả Ly-việt-đa đáp: -Tôn giả Xá-lợi-tử, nếu có Tỳ-kheo ưa yên tọa, bên trong thực hành phương pháp chỉ tức, không bỏ tọa thiền, thành tựu quán tưởng, thường thích nhàn cư, ưa chỗ yên tĩnh. Tôn giả Xá-lợi-tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la. Tôn giả Xá-lợi-tử lại hỏi: Hiền giả A-na-luật-đà, Hiền ^iả Ly-việt-đa Tỳ-kheo đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi hỏi Hiên giả A-na-luật-đà: Khả ái thay khu rừng Ngưu Giác Sa-la này! Ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Hiền giả A-na-luật-đà, hạng Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la? Tôn giả A-na-luật-đà đáp: Tôn giả Xá-lợi-tử, nếu có Tỳ-kheo đạt được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, ở trong một ngàn thế giới, với một ít phương tiện, vị ấy trong chốc lát có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lợi-tử, ví như người có mắt ở trên lầu cao nhìn xuống khu đất trốnệ có một ngàn gò nông, với một ít phương tiện, vị ấy trong chốc lát có thể thấy tát cả. Tôn giả Xá-lợi-tử, cũng vậy, nếu Tỳ-kheo có được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, ở trong một ngàn thế giới, với một ít phương tiện, vị ấy trong chốc lát có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lợi-tử, vi Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la. Tôn giả Xá-lợi-tử lại hỏi: Hiền giả Ca-chiên-diên, Hiền giả A-na-luật-đà Tỳ-kheo đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi hỏi Hiền giả Ca-chiên-diên: Khả ái thay khu rừng Ngưu Giác Sa-la này! Ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm

ngát ví như hoa trời. Hiền giả Ca-chiên-diên, những hạng Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la? Tôn giả Ca-chiên-diên đáp: -Tôn giả Xá-lợi-tử? ví như hai Tỳ-kheo pháp sư cùng bàn luận về nghĩa lý thâm áo của A-tỳ-đàm; những điều được hỏi đều được thau hiểu tường tận, những lời giải đáp thì thông suốt, sự thuyết pháp thì lưu loát. Tôn giả Xá-lợi-tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la.

184. KINH NGƯU GIÁC SA-LA LÂM (A) 1053

Tôn giả Xá-lợi-tử lại hỏi: -Tôn giả Đại Ca-diếp, Hiền giả Ca-chiên-dien Tỳ-kheo đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi hỏi Tôn giả Đại Ca-diếp: Khả ái thay khu rừng Ngưu Giác Sa-la này! Ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Hiền giả Đại Ca-diếp, những hạng Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la? Tôn giả Đại Ca-diếp đáp: Hiên giả Xá-lợi-tử, nêu có Tỳ-kheo tự mình vô sự, khen ngợi ở nơi vô sự; tự mình có thiểu dục, khen ngợi sự thiểu dục; tự mình tri túc, khen ngợi Sự tri túc; tư mình thích sông cô độc viên ly, khen ngợi sự thích sông cô độc viễn ly; tư mình tu hành tinh tấn, khen ngợi sự tu hành tinh tấn; tự mình lập chánh niệm, chánh trí, khen ngợi sự lập chánh niệm, chánh trí; tự mình đắc định, khen ngợi sự đắc định; tự mình có trí tuệ, khen ngợi sự có trí tuệ; tự mình các lậu đã sạch, khen ngợi các lậu đã sạch; tự mình khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, khen ngợi khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Hiền giả Xá-lợi-tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la. Tôn giả Xá-lợi-tử lại hỏi: Hiền giả Mục-kiền-lien, Tôn giả Đại Ca-diếp đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi hỏi Hiền giả Mục-kiền-liên: Khả ái thay khu rừng Ngiru Giác Sa-la này! Ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát y VÍ như hoa trời. Hiên giả Mục-kiên-liên, những hạng Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngiru Giác Sa-la? Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đáp: Tôn giả Xá-lợi-tử, nếu có Tỳ-kheo có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, được tự tại vô lượng như ý túc; thực hành vô lượng như ý túc, có thể biến một thành nhiều, hợp nhiều thành một, một ở vị trí của một, . có thê r biêt, X có thê thây, xuyên qua vách . đá như r hư không, không ngăn ngại, ra vào trong đây dê như nước, đi trên nước như đi trên đát mà không bị chìm, bay lên không trung mà ngồi kiết-già như loài chim; ngay đối với mặt trăng và mặt trời có đại như ý túc, có đại phước hựu, có đại oai thân, vi ây đưa tay sờ được, thân cao đến trời Phạm thiên. Tôn giả Xá-lợi-tử, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la. Tôn giả Đại Mục-kiền-liên hỏi: -Tôn giả Xá-lợi-tử, tôi và các bậc Thượng tôn mỗi người đã tự nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi hỏi Tôn giả Xá-lợi-tử: Khả ái thay rừng Ngưu Giác Sa-la này! Ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Tôn giả Xá-lợi-tử, những hạng Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la?

1054 KINH TRƯNG A-HÀM

Tôn giả Xá-lợi-tử đáp: Hiền giả Mục-kiền-liên, nếu có Tỳ-kheo tùy dụng tâm tự tại chứ không phải không tùy tâm; nêu muôn an trú định vào buôi sáng, vị ây liên an tru định vào buôi sáng; nêu muôn an trú định vào buôi trưa hay buôi chiêu, vị ây liên an trú đinh vào buổi trưa hay buổi chiều. Hiền giả Mục-kiền-liên, ví như y phục của vua và

các quan rát nhiêu màu sác rực rỡ; nêu họ muôn mặc thứ nào vào buôi sáng, liên lây mặc vào; nêu họ muôn mặc thứ nào vào buôi trưa hay buôi chiều, liền lấy mặc vào. Hiền giả Mục-kiền-liên, cũng vậy, nếu có Tỳ-kheo nào tùy dụng tâm tự tại chứ không phải không tùy tâm; nếu muốn an trú định vào buôi sáng, vị ây liên an trú đinh vào buôi sáng; nêu muôn an trú định vào buôi trưa hay buôi chiêu, vi ây liên an tru định vào buổi trưa hay buôi chiêu. Hiên giả Mục-kiền-liên, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la. Tôn giả Xá-lợi-tử bảo: Hiên giả Mục-kiên-liên, tôi và chư Hiên môi người đã nói theo sự hiêu biết của mình. Hiền giả Mục-kiền-liên, chúng ta hãy cùng với chư Hiền đi đến chô Phật đê biêt trong những điêu vừa thảo luận ây, vị nào nói đúng. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-tử9 Tôn giả Đại Mục-kiền-liên? Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả Đại Ca-chiên-diên, Tôn giảA-na-luật-đà, Tôn giả Ly-việt-đa, Tôn giả A-nan? tất cả cùng đi đến chỗ Phật. Các Tôn giả đều cúi đầu lễ sát chân Phật rồi ngồi qua một bên. Tôn giả A-nan cúi đầu lễ sát chân Phật rồi lui đứng một bên. Tôn giả Xá-lợi-tử bạch: Bạch Thế Tôn, hôm nay có Hiền giả Mục-kiền-liên, Hiền giả Đại Ca-diếp, Hiền giả Ca-chiên-diên, Hiền giả A-na-luật-đà? Hiền giả Ly-việt-đa, Hiền giả A-nan, vào buôi sáng sớm tát cả đêu đi đên chô con. Con thây chư Hiên đên, nhân đó mới nói rằng: "Kính chào Hiền giả A-nan! Kính chào Hiền giả A-nan! Kính chào Hiền giả A-nan! Người là thị giả của Thế Tôn, hiểu được ý nghĩ của Thế Tôn, thường được Thế Tôn và các bậc trí tuệ Phạm hạnh khen ngợi/9 Lúc ấy, con hỏi Hiền giả A-nan rằng: "Khả ái thay khu rừng Ngưu Giác Sa-la này! Ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Hiền giả A-nan, những hạng Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngiru Giác Sa-la?” Tôn giả A-nan đáp: "T6n giả Xá-lợi-tử, nếu có Tỳ-kheo học rộng, nghe nhiều, nhớ mãi không quên, tích lũy sự nghe nhiều. Với những pháp đoạn đau vi diệu, đoạn giữa vi diệu và đoạn cuối cũng vi diệu, có nghĩa, có văn, đầy đủ, thanh tịnh, hiển hiện Phạm hạnh; những pháp như vậy được vị ấy học rộng, nghe nhiêu, tập luyện đên ngàn lân, chú ý tư duy, quán sát, hiêu sâu; vị ây thuyết pháp gọn gàng, hm loát, hoàn toàn tương ưng với mục đích đoạn trừ các kiết sử. Tôn giả Xá-lợi-tử? vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la nay/9

184. KINH NGƯU GIÁC SA-LA LÂM (A) 1055

Thế Tôn khen rằng: -Lành thay! Lành thay! Xá-lợi-tử, đúng như lời Tỳ-kheo A-nan đã nói. Vì sao? Vì Tỳ-kheo A-nan đã thành tựu đa văn. Tôn giả Xá-lợi-tử bạch: Bạch Thế Tôn, Hiền giả A-nan nói như vậy rồi, con lại hỏi Hiền giả Ly- việt-đa: "Hiền giả Ly-việt-đa, Hiền giả A-nan đã nói theo hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi hỏi Hiền giả Ly-việt-đa: Khả ái thay khu rừng Ngưu Giác Sa-la này! Ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Hiền giả Ly-việt-đa, những hạng Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa4a?99 Hiền giả Ly-việt-đa liền đáp lời con rằng: uTôn giả Xá-lợi-tử, nếu có Tỳ- kheo ưa tĩnh tọa, bên trong thực hành phương pháp chỉ tức, không bỏ tọa thiền, thành tựu quán tưởng, thường thích nhàn cư, ưa chỗ yên tĩnh. Tôn giả Xá-lợi-tử, vi Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la." Thế Tôn khen rằng: Lành thay! Lành thay! Xá-lợi-tử, đúng như lời Tỳ-kheo Ly-việt-đa đã nói. Vì sao? Vì Tỳ-kheo Ly-việt-đa thích tọa thiền. Tôn giả Xá-lợi-tử bạch: Bạch Thế Tôn, Hiền giả Ly-việt-đa nói như vậy rồi, con lại hỏi Hiền giả A-na-luật-đà:

"Hiên giả Ly-việt-đa đã nói theo sự hiêu biêt của mình. Bây giờ, tôi hỏi Hiền giả A-na-luật-đà: Khả ái thay khu rừng Ngưu Giác Sa-la này! Ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Hiền giả A-na-luật-đà, những hạng Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác la? “

Hiền giả A-na-luật-đà liền đáp lại con rằng: uTôn giả Xá-lợi-tử, Tỳ-kheo đạt được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, ở một ngàn thế giới, với một ít phương tiện, trong chốc lát có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lợi-tử? ví như người có mắt ở trên lầu cao nhìn xuống khu đất trống có một ngàn gò nỗng, với một ít phương tiện, trong chốc lát có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lợi-tử, cũng vậy, nếu Tỳ-kheo có được thiên nhãn, thành tựu thiên nhãn, ở trong một ngàn thế giới, với một phương tiện, trong chốc lát có thể thấy tất cả. Tôn giả Xá-lợi-tử9 vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngiru Giác Sa-la." Thế Tôn khen rằng: Lành thay! Lành thay! Xá-lợi-tử? đúng như lời Tỳ-kheo A-na-luật-đà đã nói. Vì sao? Vì A-na-luật-đà Tỳ-kheo đã thành tựu thiên nhãn. Tôn giả Xá-lợi-tử bạch: -Bạch Thế Tôn, Hiền giả A-na-luật-đà nói như vậy rồi, con lại hỏi Hiền giả Ca-chiên-diên: "Hiền giả A-na-luật-đà đã nói theo sự hiểu biết của mình.

1056 KINH TRƯNG A-HÀM

Bây giờ, tôi hỏi Hiền giả Ca-chiên-diên: Khả ái thay khu rừng Ngưu Giác Sa-la này! Ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Hiền giả Ca-chiên-diên, những hạng Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu Giálsada?” Hiền giả Ca-chiên-diên liền đáp lại con rằng: "T6n giả Xá-lợi-tử? ví như hai Tỳ-kheo pháp sư cùng bàn luận về nghĩa lý thâm áo của A-tỳ-đàm; những điều được hỏi đều được thấu hiểu tường tận, những lời giải đáp thì thông suốt, sự thuyết pháp thì lưu loát. Tôn giả Xá-lợi-tử? vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la." Thế Tôn khen rằng: Lành thay! Lành thay! Xá-lợi-tử, đúng như lời Tỳ-kheo Ca-chiên-diên đã nói. Vì sao? Vì Ca-chiên-diên Tỳ-kheo là phân biệt Pháp sư. Tôn giả Xá-lợi-tử bạch: Bạch Thế Tôn? Hiền giả Ca-chiên-diên nói như vậy rồi, con lại hỏi Tôn giả Đại Ca-diếp: "Hiền giả Ca-chiên-diên Tỳ-kheo đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi hỏi Tôn giả Đại Ca-diếp: Khả ái thay khu rừng Ngưu Giác Sa-la này! Ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Hiền giả Đại Ca-diếp, những hạng Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu m^NgmiGiac s^lar •

Tôn giả Đại Ca-diếp liền đáp lại con rằng: "T6n giả Xá-lợi-tử? nếu có Tỳ- kheo tự mình ở nơi vô sự, khen ngợi ở nơi vô sự; tự mình có thiểu dục, khen ngợi sự thiểu dục; tự mình tri túc, khen ngợi sự tri túc; tự mình thích sống cô độc viễn ly, khen ngợi sự thích sống cô độc viễn ly; tự mình tu hành tinh tấn, khen ngợi sự tu hành tinh tấn; tự mình lập chánh niệm, chánh trí, khen ngợi sự lập chánh niệm, chánh trí; tự mình đắc định, khen ngợi sự đắc định; tự mình có trí tuệ, khen ngợi sự có trí tuệ; tự mình các lậu đã sạch, khen ngợi các lậu đã sạch; tự mình khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ, khen ngợi khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Hiền giả Xá-lợi-tử, vi Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la." Thế Tôn khen rằng: Lành thay! Lành thay! Xá-lợi-tử, đúng như lời Tỳ-kheo Ca-diếp đã nói. Vì sao? Vì Đại Ca-diếp Tỳ-kheo thường tu hạnh vô sự. Tôn giả Xá-lợi-tử bạch: Bạch Thế Tôn, Tôn giả Đại Ca-diếp nói

như vậy rồi, con lại hỏi Hiền giả Mục-kiền-liên: uTôn giả Đại Ca-diếp đã nói theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi hỏi Hiền giả Mục-kiền-liên: Khả ái thay khu rừng Ngưu Giác Sa-la này! Ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Hiên giả Đại Ca-diêp5 những hạng Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la?,

184. KINH NGƯU GIÁC SA-LA LÂM (A) 1057

Hiền giả Đại Mục-kiền-liên liền đáp lại con rằng: "T6n giả Xá-lợi-tử5 nếu có Tỳ-kheo có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần, được tự tại vô lượng như ý túc; thực hành vô lượng như ý túc, có thể biến một thành nhiều, hợp nhiều thành một, một ở vị trí của một, có thể biết, có thể thấy, có thể xuyên qua vách đá như hư không, không ngăn ngại, ra vào trong đấy dễ như nước, đi trên nước như đi trên đất mà không bi chìm, bay lên không trung mà ngồi kiết-già như loài chim; ngay đối với mặt trăng và mặt trời có đại như ý túc, có đại phước hựu, có đại oai thân, vị ấy đưa tay sờ được, thân cao đến cõi trời Phạm thiên. Tôn giả Xá-lợi-tử5 vi Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sa-la." Thế Tôn khen: Lành thay! Lành thay! Xá-lợi-tử, đúng như lời Tỳ-kheo Mục-kiền-liên đã nói. Vì sao? Vì Tỳ-kheo Mục-kiền-liên có đại như ý túc. Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo một bên, chắp tay và bạch Phật: Bạch Thế Tôn, con và chư Tôn giả nói như vậy rồi, con liền bạch Tôn giả Xá-lợi-tử rằng: T6n giả Xá-lợi-tử? tôi và chư Tôn giả mỗi người đã tự trình bày theo sự hiểu biết của mình. Bây giờ, tôi xin hỏi Tôn giả Xá-lợi-tử: Khả ái thay khu rừng Ngưu Giác Sa-la này! Ban đêm có trăng sáng, các cây sa-la đều tỏa hương thơm ngát ví như hoa trời. Tôn giả Xá-lợi-tử, những hạng Tỳ-kheo nào làm rực sáng khu rừng Ngưu Giác Sala?" Tôn giả Xá-lợi-tử liền đáp lại con rằng: "Hiền giả Mục-kiền-liên, nếu có Tỳ-kheo tùy dụng tâm tự tại chứ không phải không tùy tâm; nếu muốn an trú định vào buổi sáng, vị ấy liền an trú định vào buổi sáng; nếu muốn an tru định vào buổi trưa hay buổi chiều, vị ấy liền an tru đinh vào buổi trưa hay buổi chiều. Hiền giả Mục-kiền-liên, ví như y phục của vua và các quan rất nhiều, đủ màu sắc rực rỡ; nếu họ muốn mặc thứ nào vào buổi sáng, liền lấy mặc vào; nếu họ muốn mặc thứ nào vào buổi trưa hay buổi chiều, liền lấy mặc vào. Hiền giả Mục-kiền-liên, cũng vậy, nếu có Tỳ-kheo nào tùy dụng tâm tự tại chứ không phải không tùy tâm; nếu muốn an trú đinh vào buổi sáng, vị ấy liền an tru định vào buổi sáng; nếu muốn an tru định vào buổi trưa hay buổi chiều, vị ấy liền an trú định vào buổi trưa hay buổi chiều. Hiền giả Mục-kiền-liên, vị Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngiru Giác Sala." Thế Tôn khen rằng: Lành thay! Lành thay! Mục-kiền-liên, đúng như lời Tỳ-kheo Xá-lợi-tử đã nói. Vì sao? Vì Xá-lợi-tử Tỳ-kheo tùy dụng tâm tự tại. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo một bên, chắp tay và bạch Phật: Bạch Thế Tôn, con và chư Hiền nói như vậy rồi, con bảo rằng: "Hiền giả Mục-kiên-liên, tôi và chư Hiên môi người đã tự trình bày theo sự hiêu biêt của

1058 KINH TRUNG A-HÀM

mình. Hiền giả Mục-kiền-liên5 chúng ta hãy cùng với chư Hiền đi đến chỗ đức Phật để biết trong những điều vừa thảo luận ấy, vị nào nói diing." Bạch Thế Tôn, trong chúng

con, ai nói đúng? The Ton đáp răng: Này Xá-lợi-tử9 tất cả đều đúng. Vì sao? Vì các pháp đó chính là những điều Ta nói. Xá-lợi-tử, hãy nghe Ta nói. Vi Tỳ-kheo như vầy làm rực sáng khu rừng Ngiru Giác Sa-la. Này Xá-lợi-tử, nếu có Tỳ-kheo tùy theo chỗ ở hoặc thành quách, thôn ấp, qua khỏi đêm, vào buổi sáng sớm, vi ấy mang y cầm bát vào thôn khất thực, khéo thủ hộ thân, khéo thúc liễm các căn, khéo giữ tâm niệm; vị ấy sau khi khất thực xong, sau giờ ngọ, thâu xếp y bát, rửa chân tay, lấy tọa cụ vắt lên vai, đến chỗ vô sự, hoặc nơi gốc cây hay chỗ thanh vắng, trải ni-sư-đàn mà ngồi kiết-già? ngồi luôn cho đến chứng Lậu tận mới giải kiết-già; vị ấy không giải kiết-già cho đến khi nào chứng được Lậu tận. Này Xá-lợi-tử, Tỳ-kheo như vậy làm rực sáng khu rừng Ngiru Giác Sa-la. Đức Phật thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

185. KINH NGƯU GIÁC SA-LA LÂM (B) Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa đến Na-ma-đề-sấu, ở tại tinh xá Kiền-kỳ. Bấy giờ, sau khi đêm đã qua, vào buôi sáng sớm, đức Thê Tôn đáp y, câm bát, vào Na- ma-đê đê khát thực. Sau khi ăn xong, vào buôi chiêu, Ngài đi đên khu rừng Ngưu Giác Sa-la. Lúc ấy, có ba người con dòng quý tộc cùng ở trong rừng: Tôn giả A-na-luật-đà? Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tỳ-la. Ba Tôn giả ấy làm như vầy: Nếu ai khất thực đi về trước thì trải giường, múc nước, mang đồ rửa chân ra, để sẵn ghế rửa chân, khăn lau chân, bình đựng nước, chậu rửa; nếu có thể ăn hết đồ ăn đã xin được thì cứ ăn, nếu còn dư thì cho vào đô chứa đậy kín cát; ăn xong, cát bình bát, rửa tay chân, lây tọa cụ vát lên vai, vào nhà ngoi tĩnh tọa. Nấu ai khất thực về sau, có thể ăn hết đồ ăn thì cứ ăn? nêu không đủ thì lây đô dư của người trước đem ăn cho đủ, nêu còn dư nữa thì đem đổ chỗ đất sạch hay trong nước không có trùng. Người ấy lấy đồ đựng của người kia rửa, lau thật sạch, rồi đem treo một bên, dọn dẹp giường chiếu, nhặt ghế rửa chân, cất khăn lau chân, cất đồ rửa chân, bình nước và chậu rửa, quét dọn sạch sẽ nhà ăn, roi cát y bát, rửa tay chân, lây tọa cụ vát trên vai, vào nhà tĩnh tọa cho đến chiều. Trong các Tôn giả ấy, nếu ai đang tĩnh tọa mà dậy trước, thấy bình nước và chậu rửa chân không có nước thì phải đi lấy; nếu xách nổi thì tự xách, bằng không thì vẫy tay một Tỳ-kheo khác, hai người cùng khiêng, mỗi người khiêng một phía, không nói chuyện với nhau, không hỏi gì nhau. Các vi ấy cứ năm ngày họp một lần, hoặc để nói pháp, hoặc im lặng như các bậc Thánh. Bây giờ, người giữ rừng thây Thê Tôn từ xa đi đên, đón lại quở trách và nói: Này Sa-m6n, chớ có vào khu rừng này. Vì sao? Hiện nay, trong khu rừng này có ba người con dòng quý tộc ở là Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-dề, Tôn giả Kim-tỳ-la. Nếu thấy thầy, chắc họ không vui lòng. Đức Phật bảo: Này người giữ rưng, nếu họ thấy Ta thì không có gì là không vui lòng. Bấy giờ, Tôn giảA-na-luật-đà từ xa trông thấy Thế Tôn đến, liền quở người giữ rừng: Này người giữ rừng, chớ có ngăn cản đức Thế Tôn! Này người giữ rừng, chớ có quở trách đức Thiện Thệ! Vì sao? Vì đó là đấng Tôn Quý của tôi đến, là đang Thiện Thê cua toi đen.

1060 KINH TRƯNG A-HÀM

TI Ặ A _ _ • 9 __ 1 _ Ai J 4- > FT^1_ Á nn L _ 1 Á / J rri — _ • 9 "X T A Roi Tôn giả A-na-luật-đà ra rước The Ton, đon lay y bát, Ton gia Nan-de trải giường ngồi, Tôn giả

Kim-ty-la đi lấy nước. Bấy giờ, đức Thế Tôn sau khi rửa tay xong, ngồi xuống chỗ ngồi đã soạn sẵn. Ngồi xong, Ngài hỏi: Này A-na-luật-đà, thầy có thường an ổn, không thiếu thốn chăng? Tôn giả A-na-luật-đà bạch: Bạch Thế Tôn, con vẫn thường an ổn, không có gì thiếu thốn! Thế Tôn lại hỏi: —Này A-na-luật-^à? vì sao thây được an ôn, không có gì thiêu thôn? Tôn giả A-na-luật-đà bạch: Bạch Thế Tôn, con nghĩ rằng con nhờ có thiện lợi, có đại công dức, vì con tu tập cùng với các vị Phạm hạnh như vậy. Bạch Thế Tôn, con thường hướng đến các vị Phạm hạnh này để tu thân nghiệp từ, trước mặt cũng như sau lưng, và tu khâu nghiệp từ, ý nghiệp từ, trước mặt cũng như sau lưng. Bạch Thê Tôn, con tự nghĩ: “Nay ta hãy tự xả bỏ tâm mình mà tùy theo tâm các Hiền giả ny." Roi con xả bỏ tâm mình đê tùy theo tâm các Hiên giả này. Con chưa từng có một điêu gì mà không xứng ý. Bạch Thê Tôn, con nhờ như vậy mà thường được an ôn, không có gì thiêu thôn. Đức Phật hỏi Tôn giả Nan-đề cũng đáp như vậy. Đức Phật lại hỏi Tôn giả Kim-tỳ-la: -Thầy có thường an ổn, không có gì thiếu thốn chăng? Tôn giả Kim-tỳ-la bạch: - Bạch Thế Tôn, con thường an ổn, không có gì thiếu thốn! Phật lại hỏi: Này Kim-tỳ-la, vì sao thầy thường được an ổn5 không có gì thiếu thốn? Tôn giả Kim-tỳ-la bạch: Bạch Thế Tôn, con tự nghĩ con nhờ có thiện lợi, có đại công đức, vì con tu tập cùng với các vi Phạm hạnh như vậy. Bạch Thế Tôn, con thường hướng đến các vi Phạm hạnh này để tu thân nghiệp từ, trước mặt cũng như sau lưng, và tu khẩu nghiệp từ, ý nghiệp từ, trước mặt cũng như sau lưng. Bạch Thế Tôn, con tự nghĩ: “Nay ta hãy tự xả bỏ tâm mình mà tùy theo tâm các Hiền giả này.” Rồi con xả bỏ tâm mình để tùy theo tâm các Hiền giả này. Con chưa từng có một điều gì mà không xứng ý. Bạch Thế Tôn, con nhờ như vậy mà thường được an ổn5 không có gì thiếu thốn. Thế Tôn khen: -Lành thay! Lành thay! Này A-na-luật-đà? các thây thường cùng nhau hòa hiệp, an ổn, không tranh chấp như vậy, cùng một tâm, cùng một thầy, cùng hợp nhất như nước với sữa. Thế nhưng, có chứng đắc pháp thượng nhân, có sai biệt, an lạc, trú đinh chăng?

185. KINH NGƯU GIÁC SA-LA LÂM (B) 1061

Tôn giả A-na-luật-đà bạch: Bạch Thế Tôn, quả như vậy, chúng con thường cùng hòa hiệp, an ổn, không tranh cãi nhau, cùng một tâm, cùng một thầy, cùng hợp nhất như nước với sữa, chứng đắc pháp của bậc Thượng nhân, có sai biệt, an lạc, trú đinh. Bạch Thế Tôn, chúng con xa lìa dục vọng, xa lìa pháp ác, bất thiện, chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu và an trú. Bạch Thế Tôn, như vậy, chúng con thường cùng hòa hiệp, an ổn, không tranh cãi nhau, cùng một tâm, cùng một thầy, cùng hợp nhát như nước với sữa, chứng đăc pháp của bậc Thượng nhân, có sai biệt, an lạc, trú đinh. Thế Tôn khen: Lành thay! Lành thay! Này A-na-luật-đà, hãy bỏ trú định này, vượt qua, lướt qua, còn chứng đắc pháp nào khác của bậc Thượng nhân khác hơn, có sai biệt, an lạc, trú đinh chăng? Tôn giả A-na-luật-đà bạch Phật: Bạch Thế Tôn, bỏ qua trú định này, vượt qua, lướt qua, lại còn có pháp khác nữa của bậc Thượng nhân, có sai biệt, an lạc, tru định. Bạch Thế Tôn, tâm của con cùng đi đôi với từ, biến khắp một phương, thành tựu và an trú. Cũng vậy, tâm đi đôi với từ, biến khắp tất cả phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư, phương trên, phương dưới và bốn phương bàng, không kết, không oán, không giận, không cãi, rộng rãi bao la, tu vô lượng thiện, biến khắp tất cả thế gian,

thành tựu và an trú. Cũng vậy, bi tâm, hỷ tâm đi đôi với với xả, không kết, không

1062 KINH TRƯNG A-HÀM

Tôn giả A-na-luật-đà bạch Phật: Bạch Thế Tôn, bỏ trú định này, vượt qua5 lướt qua, lại có pháp khác nữa của bậc Thượng nhân, có sai biệt, an lạc, tru định. Bạch Thê Tôn, chúng con đắc như ý túc, thiên nhĩ trí, tha tâm trí, túc mạng trí, sanh tử trí, các lậu đã hết, được vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này, tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu và an trú, biết một cách như thật rằng: "Sịt sanh đã hết, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa." Bạch Thế Tôn, bỏ trú định này, vượt qua, lướt qua, lại còn có pháp khác này nữa của bậc Thượng nhân, có sai biệt, an lạc, trú định. Thế Tôn khen: Lành thay! Lành thay! Này A-na-luật-đà, bỏ trú định này, vượt qua, lướt qua, còn chứng đắc pháp nào khác của bậc Thượng nhân, có sai biệt, an lạc, trú định chăng? Tôn giả A-na-luật-đà bạch Phật: r Bạch Thê Tôn, bỏ trú định này, vượt qua, lướt qua, không còn có pháp nào khác nữa của bậc Thượng nhân, có sai biệt, an lạc, trú định. Bấy giờ, đức Thế Tôn nghĩ như vầy: uChỗ an trú của người con dòng họ quý tộc này an ổn, khoái lạc. Hôm nay Ta hãy thuyết pháp cho họ nghe." Thế Ton nghĩ như vậy rồi, liền thuyết pháp cho Tôn giả A-na-luật-đà? Tôn giả Nan- dề, Tôn giả Kim-tỳ-la nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi dùng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho họ, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, Ngài rời chỗ ngồi đứng dậy đi về. Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật-đà, Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tỳ-la đi theo đức Thế Tôn được một quãng đường rồi trở lại chỗ ở. Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tỳ-la khen Tôn giả A-na-luật-đà rằng: Lành thay! Lành thay! Tôn giả A-na-luật-đà? chúng tôi trước đây chưa nghe Tôn giả A-na-luật-đà nói những nghĩa lý như vậy: “Chúng tôi có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần như vay." Nhimg nay Tôn giả A-na-luật-đà đã hết sức khen ngợi chúng tôi trước đức Thế Tôn. Tôn giả A-na-luật-đà khen Tôn giả Nan-đề và Tôn giả Kim-tỳ-la rằng: Lành thay! Lành thay! Này chư Tôn giả, tôi cũng chưa bao giờ nghe chư Hiền nói Tôn giả có đại như ý túc, có đại oai dức, có đại phước hựu, có đại oai thần như vậy. Nhung một thời gian dài, với tâm tôi, tôi biết tâm của Tôn giả, Tôn giả có đại như ý túc, có đại oai đức, có đại phước hựu, có đại oai thần. Vì thế, đứng trước đức Thế Tôn tôi mới trình bày như vậy. Bấy giờ, có vi trời Trường Quỷ hình dáng cực diệu, sáng chói rực rỡ, lúc đêm tàn, sáng rạng đông, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Ngài rồi lui đứng một bên và bạch Thế Tôn:

186. KINH CÀU GIẢI Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa Câu-lâu-sấu, tại đô ấp Kiếm-ma-sắt-đàm-câu-lâu. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Duyên nơi ý của mình mà không biết như thật về tâm trí của người khác thì không thể biết được sự giác ngộ Chánh đẳng của Thế Tôn. Vậy làm thế nào để tìm hiểu Như Lai? Lúc ấy, các Tỳ-kheo bạch đức Thế Tôn: Bạch The Ton, The Ton la căn ban cua pháp, The Ton la chủ của pháp, pháp do nơi Thế Tôn mà có, ngưỡng mong Ngài thuyết giảng cho, chúng con nghe được rồi sẽ thấu rõ nghĩa lý! Đức Phật liền bảo: _ _ Này các Tỳ-kheo, hãy lăng nghe rõ và khéo suy nghĩ cho kỹ, Ta sẽ phân biệt đầy đủ cho các thầy nghe! Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời và lắng nghe. Thế Tôn dạy: -Duyên nơi ý của mình mà không biết như

thật về tâm trí của người khác, phải do hai sự kiện để tìm hiểu Như Lai. Một là sắc được biết bởi mắt và hai là tiếng được nghe bởi tai: 'Tháp ô nhiễm được biết bởi mắt và tai, có hay không có nơi Tôn giả ấy?" Sau khi tìm hiểu, biết rằng pháp ô nhiễm được biết bởi mắt và tai không có nơi Tôn giả ấy. Nấu ở đây không có, lại phải tìm hiểu thêm nữa: uPháp hỗn tạp được biết bởi mắt và tai, có hay không có nơi Tôn giả ấy?" Sau khi tìm hiểu, biết rằng những pháp hỗn tạp được biết bởi mắt và tai không có nơi Tôn giả ấy. Nếu ở đây không có, lại phải tìm hiểu thêm nữa: 'Tháp bạch tinh được biết bởi mắt và tai, có hay không có nơi Tôn giả ấy?" Sau khi tìm hiểu, biết rằng pháp bạch tịnh được biết bởi mắt và tai có nơi Tôn giả ấy. Nếu ở đây có, lại phải tìm hiểu nữa: uTôn giả ấy đã thực hành pháp ấy lâu dài hay chỉ thực hành tạm thòd?" Sau khi tìm hiểu, biết rằng Tôn giả ấy thực hành pháp ấy lâu dài chứ không phải tạm thời. Nếu Tôn giả ấy thường thực hành, lại phải tìm hiểu thêm nữa: "Tôn giả ấy nhập vào thiền này vì danh dự và lợi lộc hay không vì danh dự và lợi 10C?" Sau khi tìm hiểu, biết rằng Tôn giả ấy nhập vào thiền này không phải vì tai họa. Nêu có người nói như vây: "Tôn giả ây thực hành tịnh lạc chứ không phải vì sợ hãi, ly dục, không thực hành theo dục, vì dục đã diệt tận99 thì nên hỏi

người ấy rằng: uNày Hiền giả, với hành vi nào, với năng lực nào, với trí tuệ nào để Hiền giả có thể tự mình nhận xét chân chánh rằng: 'Tôn giả ấy thực hành tịnh lạc chứ không phải vì sợ hãi, ly dục, không thực hành theo dục, vì dục đã diệt tan'?" Nếu người ấy trả lời như vầy: y Tôi không biết tâm trí của vi ấy, cũng không phải do sự kiện nào khác mà biết. Nhưng vi Tôn giả ấy hoặc khi sống một mình, hoặc khi ở giữa đại chúng, hoặc ở giữa chỗ tập hội, nơi đó hoặc có Thiện Thệ hay những người thọ hóa bởi Thiện Thệ, hoặc là bậc Tông Chủ, hoặc là được thấy bởi vật thực. Này Hiền giả, tôi không tự mình hiểu biết vị ây. Tôi nghe từ chính Tôn giả ây mà trực tiếp ghi nhận như vây: 'Ta thực hành tịnh lạc chứ không phải vì sợ hãi, ly dục, không thực hành theo dục, vì dục đã diệt tận/Này Hiền giả, với hành vi như vậy, với năng lực như vậy, với trí tuệ như vậy khiến tôi tự mình nhận xét chân chánh mà nói rằng: 'Tôn giả ấy thực hành tinh lạc chứ không phải vì sợ hãi, ly dục, không thực hành theo dục, vì dục đã diệt tận.9,9 Trong trường hợp này, lại cần phải hỏi thêm nữa: "Trong pháp ấy của Như Lai, nêu có pháp ô nhiêm được biêt bởi măt và tai, có trường hợp pháp ây bi diệt tận, vô dư chăng? Nếu có pháp hỗn tạp được biết bởi mắt và tai, có trường hợp pháp ây bị diệt tận, vô dư chăng? Nêu có pháp bạch tịnh, có trường hợp pháp ây bị diệt tận, vô dư chng?" Như Lai bèn trả lời: "Nếu có pháp ô nhiễm được biết bởi mat và tai, có trường hợp pháp này bị diệt tận, vô dư. Nêu có pháp hôn tạp được biết bởi mắt và tai, có trường hợp pháp này bị diệt tận, vô dư. Nếu có pháp ô nhiễm được nhận biết bởi mắt và tai, Như Lai diệt tận, đoạn trừ, nhổ tuyệt gốc rễ, không bao giờ sanh khởi trở lại nữa. Nếu có pháp hỗn tạp được biết bởi mắt và tai, Như Lai diệt tận, đoạn trừ, nho tuyệt gốc rễ, không bao giờ sanh trở lại nữa. Nếu có pháp bạch tịnh thì Ta với pháp bạch tịnh như vậy, cảnh giới như vậy, Sa-môn như vậy, Ta như vậy mà thành tựu Chánh pháp, Luật này." CÓ một tín đệ tử đên thăm viêng Như Lai, phụng trì Như Lai, nghe pháp từ Như Lai và được Như Lai nói pháp cho, pháp cao siêu càng lúc càng cao siêu, pháp vi diệu càng lúc càng

vi diệu, khéo đoạn trừ hắc, bạch. Sau khi được Như Lai nói pháp cho nghe, pháp cao siêu càng lúc càng cao siêu, pháp vi diệu càng lúc càng vi diệu, khéo đoạn trừ hắc, bạch; nghe như vậy, như vậy rồi, vi ấy vĩnh viễn đoạn trừ pháp một, đối với các pháp mà chứng đắc cứu cánh, tinh tín nơi Thế Tôn rằng: Thế Tôn là bậc Chánh Đang Giác. ơ đây, lại cân hỏi thêm vị ây răng: “Này Hiên giả, do hành vi nào, do năng lực nào, do trí tuệ nào đê Hiên giả có thê vĩnh viên đoạn trừ pháp một, đôi với các pháp mà chứng đắc cứu cánh, tinh tín nơi Thế Tôn rằng: Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Gi§c?" Vị ấy sẽ trả lời như vầy: “Này Hiền giả, tôi không biết tâm của Thế Tôn, cũng không do sự kiện nào khác mà biết. Tôi do nơi Thế Tôn mà có tinh tín như vậy. Thế Tôn nói pháp cho tôi nghe, pháp cao siêu càng lúc càng cao siêu, pháp vi diệu càng lúc càng vi diệu, khéo đoạn trừ hắc, bạch. Này Hiền

giả, đúng như những điêu mà Thê Tôn nói pháp cho tôi nghe, và tôi nghe như vậy, như vậy. Sau khi Như Lai nói pháp cho tôi nghe, pháp cao siêu càng lúc càng cao siêu, pháp vi diệu càng lúc càng vi diệu, khéo đoạn trừ hắc, bạch; và tôi nghe như vậy, như vậy rồi, vĩnh viễn đoạn trừ pháp một, đối với các pháp mà chứng đắc cứu cánh, tịnh tín nơi Thế Tôn rằng: Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác. Này Hiền giả, tôi do hành vi như vậy, năng lực như vậy, trí tuệ như vậy, khiến tôi vĩnh viễn đoạn trừ pháp một, đối với các pháp mà chứng đắc cứu cánh, tịnh tín nơi Thế Tôn ràng: Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác vay.” Nếu ai có hành này, lực này, tin sâu nơi Như Lai, tín căn đã vững thì được gọi là tín căn dựa trên kiến, không hủy hoại, tương ưng với trí Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, Ma, Phạm và các hàng the gian khác, không the tước đoạt được. Hãy như vậy mà tìm hiểu Như Lai! Hãy như vậy mà nhận biết chánh đáng về Như Lai! Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

187. KINH THUYẾT TRÍ _ Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ? trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bây giờ, đức The Ton noi với các Ty-kheo: Nếu có Tỳ-kheo nào đến trước các thầy nói lên trí mà họ đã chứng đắc, biết một cách như thật rằng: “Sịt sanh đã hết, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa." Các thầy nghe rồi nên khen là đúng và hoan hỷ phụng hành. Sau khi khen vị ấy là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi, các thầy nên hỏi Ty-kheo ấy như vầy: “Này Hiền giả, Thế Tôn đã nói năm thạnh ấm: sắc thạnh ấm, tho5 tưởng, hành và thức thạnh ấm. Này Hiền giả, biết và thấy năm thạnh ấm này như thế nào để được biết là không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm giải thoat?99 Vị Ty-kheo đã dứt sạch các lậu và biết được mình Phạm hạnh đã vững nên đáp lại như vầy: "Này chư Hiền, sắc thạnh ấm là pháp khônệ hiệu quả, uống rỗng, không đáng ham muốn, không hằng hữu, cũng không thê nương tựa, là pháp biến dịch; tôi biết như vậy. Nếu đối với sắc thạnh am mà có tham dục, có ô nhiễm, có đắm trước, có trói buộc thì đối với sự đắm trước, sự trói buộc, sự sai sử này, chúng bị tận trừ, ly dục, diệt, tịch tĩnh; do đó nên biết là không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm giải thoát. Cũng như vậy, thọ, tưởng, hành và thức thạnh ấm là pháp không hiệu quả, trống rỗng, là không đáng ham muốn, không hằng hữu, cũng không thể nương tựa, là pháp biến dịch; tôi biết như vậy. Nếu

đối với thức thạnh ấm mà có tham dục, có ô nhiễm, có đắm trước, có trói buộc thì đối với sự đắm trước, sự trói buộc, sự sai sử này, chúng bị tận trừ, ly dục, diệt, tịch tĩnh; do đó nên biết là không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm giải thoát. Này chư Hiền, đối với năm thạnh ấm, tôi biết như vậy, thấy như vậy, nên biết là không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm được giải thoat?9 Vị Ty-kheo đã dứt sạch các lậu và biết được mình Phạm hạnh đã vững thì nên đáp như vậy. Các thầy sau khi nghe rồi nên khen là đúng và hoan hỷ phụng hành. Sau khi khen vi ấy là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi, các thầy hỏi Tỳ- kheo ấy như vầy: "Này Hiền giả, đức Thế Tôn đã nói có bốn loại thực, chúng sanh nhờ đó mà được tồn tại và được trưởng dưỡng. Những gì là bốn? Một là đoàn thực, có thô

và tế; hai là xúc thực; ba là ý niệm thực và bốn là thức thực. Này Hiền giả, biết và thấy bốn loại thực này như thế nào để rõ biết là không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm được giải thoát?" Vi Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và biết được mình Phạm hạnh đã vững nên đáp như vầy: “Này chư Hiền, đối với đoàn thực, ý tôi không coi trọng, không coi rẻ, không đam mê, không ràng buộc, không nhiễm, không đắm, được giải thoát, giải thoát một cách rốt ráo, tâm không còn điên đảo, biết một cách như thật rằng: 'Sự sanh đã hết, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.' Cũng như vậy, đối với xúc thực, ý niệm thực, thức thực, ý tôi không coi trọng, không coi rẻ, không đam mê, không ràng buộc, không nhiễm, không đắm, đã giải thoát, giải thoát một cách rốt ráo, tâm không còn điên đảo, biêt một cách như thật răng: 'Sự sanh đã hét, Phạm hạnh đã vững, điêu cân làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.' Này chư Hiên, tôi biêt như vậy, tôi thây như vậy, nên đối với bốn loại thực này, rõ biết là không còn chấp thủ, đã diệt sạch các lậu, tâm được giải thoát." Vi Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và biết được mình Phạm hạnh đã vững nên đáp như vậy. Các thầy nghe rồi nên khen là đúng và hoan hỷ phụng hành. Sau khi khen vị ấy là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi, các thầy nên hỏi Tỳ-kheo ấy như vầy: “Này Hiền giả, đức Thế Tôn đã nói bốn loại tuyên thuyết. Những gì là bốn? Thấy thì nói là thấy, nghe thì nói là nghe, nhận thấy thì nói là nhận thấy, biết rõ thì nói là biết rõ. Này Hiền giả, biết và thấy bốn loại tuyên thuyết này như thế nào để rõ được mình không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm được giải thoát?” Vị Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và biết được mình Phạm hạnh đã vững nên đáp như vầy: "Này chư Hiền, đối với sự thấy thì nói là thấy, tôi không coi trọng, không coi rẻ, không đam mê, không ràng buộc, không nhiễm, không đắm, đã giải thoát, giải thoát một cách rốt ráo, tâm không điên đảo và biết một cách như thật rằng: 'Sự sanh đã hết, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.' Cũng như vậy, nghe thì nói là nghe, nhận thấy thì nói là nhận thấy, biết rõ thì nói là biết rõ, không coi trọng, không coi rẻ, không đam mê, không ràng buộc, không nhiễm, không đắm, đã giải thoát, giải thoát một cách rốt ráo, tâm không điên đảo và biết một cách như thật rằng: 'Sự sanh đã hết, Phạm hạnh đã vững, điêu cân làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa/ Này chư Hiền, tôi biết như vậy, thấy như vậy, đối với bốn loại tuyên thuyết này, tôi biết rõ mình không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm được giải thoAt." Vị Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và tự biết được mình Phạm hạnh đã vững nên

đáp như vậy. Các thầy khi nghe rồi nên khen là đúng và hoan hỷ phụng

187. KINH THUYẾT TRÍ 1071

hành. Sau khi khen vị ấy là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi, lại hỏi Tỳ-kheo ấy như vầy: “Này Hiền giả, đức Thế Ton đã nói sáu pháp nội xứ: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý xứ. Này Hiền giả, biết và thấy sáu nội xứ này như thế nào để biết rõ là đã không còn chấp thủ, dứt sạch các lậu, tâm được giải thoát?" Vi Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và tự biết được mình Phạm hạnh đã vững nên đáp như vầy: “Này chư Hiền, đối với mắt và nhãn thức, nhãn thức biết pháp, cả hai, tôi biêt rõ hai pháp ây. Này chư Hiên, nêu mát và nhãn thức, nhãn thức biêt pháp, ái lạc đã dứt sạch; do nó bị dứt sạch, ly dục, diệt, tịch tĩnh mà biết rõ là không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm được giải thoát. Cũng như vậy, đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý vày thức, ý thức biết pháp, cả hai, tôi đã biết rõ hai pháp ấy. Đã biết rõ hai pháp ấy rồi, này chư Hiền, nếu ý vày thức, ý thức biết pháp, ái lạc đã dứt sạch; do nó bi dứt sạch, ly dục, diệt, tịch tĩnh mà biết rõ là không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm được giải thoát. Này chư Hiền, tôi biết như vậy, thây như vậy, đôi với sáu nội xứ được biêt rõ là không còn châp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm được giải thoat?9 Vị Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và biết được mình Phạm hạnh đã vững nên đáp như vậy. Các thầy sau khi nghe rồi nên khen là đúng và hoan hỷ phụng hành. Sau khi khen vị ấy là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi, các thầy nên hỏi Tỳ-kheo ấy như vầy: "Này Hiền giả, đức Thế Tôn nói về lục giới như địa giới, thủy giới, hỏa gióI, phong giới, không ẹiới và thức giới. Này Hiền giả, biết và thấy lục giới này như thế nào để rõ biêt mình không còn châp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm được giải thoát?" Vi Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và biết được mình Phạm hạnh đã vững nên đáp như vầy: uNày chư Hiền, tôi không thấy rằng địa giới là sở thuộc của tôi; tôi không phải là sở thuộc của địa giới; địa giới chăng phải là ngã. Nhưng hai thọ nương địa giới mà tru và các kiết sử dựa vào đó mà sanh, chúng bi dứt sạch, ly dục, diệt, tịch tĩnh; do đó mà biết rõ là không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm được giải thoát. Cũng như vậy, thủy, hỏa, phong, không và thức giới chẳng phải sở thuộc của tôi; tôi không phải là sở thuộc của thức giới; thức giới chẳng phải là ngã. Nhưng hai thọ nương nơi thức mà trú và các kiết sử dựa vào đó mà sanh, chúng bi dứt sạch, ly dục, diệt, tịch tĩnh; do đó mà biết rõ là không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm được giải thoát. Này chư Hiên, tôi biêt như vậy, thây như vậy đối với lục giới ấy, biết mình không còn chấp thủ, đã dứt sạch các lậu, tâm được giải thoat?9 Vị Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và biêt mình Phạm hạnh đã vững nên đáp như vậy. Các thầy sau khi nghe rồi nên khen là đúng và hoan hỷ phụng hành.

1072 KINH TRUNG A-HÀM

Sau khi khen vị ấy là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi, các thầy nên hỏi vi Tỳ- kheo ấy như vầy: “Này Hiền giả, biết và thấy bên trong thân này cùng với thức và tất cả các tướng bên ngoài như thế nào để có đoạn biến tri về tự ngã, về tự ngã như là tác giả và mạn kiết sử nhổ tuyệt cội gốc của chúng, không còn tái sanh nūa?^ Vị Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và biết được mình Phạm hạnh đã vững nên đáp như vầy: "Này chư Hiên, thuở xưa, khi tôi chưa xuất gia học đạo, đã nhàm chán sự sanh, già, bệnh, chét, khóc

than, khôn khô, sâu muộn, bi ai; tôi muôn đoạn trừ khối khổ đau to lớn này. Này chư Hiền, sau khi đã nhàm chán, ghê sợ, tôi quán sát: 'Tại gia là đời sống hẹp hòi, là chốn trần lao; xuất gia học đạo là đời sống rộng rãi, bao la. Nay ta sông đời tại gia bị xiêng xích quân chặt, không thê trọn đời tịnh tu Phạm hạnh. Vậy ta hãy vứt bỏ các tài sản nhỏ và lớn, từ giã thân tộc ít hay nhiêu, roi cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sông không gia đình mà học đạo/Này chư Hiền, sau đó tôi vứt bỏ tài sản nhỏ và lớn, từ giã thân tộc ít hay nhiều, rồi cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo. Này chư Hiền, sau khi tôi xuất gia học đạo, từ bỏ của cải, họ hàng, rồi thọ lãnh cấm giới mà Tỳ-kheo phải tu tập, thủ hộ biệt giải thoát giới, tôi lại cẩn thận, thâu nhiếp các oai nghi lễ tiết, thấy lỗi nhỏ nhặt cũng thường ôm lòng lo sợ, nhớ kỹ điều cốt yếu đã hQC." "Này chư Hiền, tôi từ bỏ sát sanh, xa lìa sát sanh, xả bỏ đao gậy, biết hổ thẹn, nuôi lòng từ bi, làm lợi ích cho tất cả cho đến loài côn trùng; đối với tâm sát sanh, tôi đã tịnh trỉr.” "Tôi từ bỏ lấy của không cho, đoạn trừ lấy của không cho, chỉ lấy của đã cho, thích của đã cho, thường thích bố thí, vui vẻ không luyến tiếc, không mong sự đáp lại; đối với tâm ưa lấy của không cho, tôi đã tịnh trừ.” "Này chư Hiền, tôi từ bỏ sự phi Phạm hạnh, đoạn trừ phi Phạm hạnh, siêng năng tu Phạm hạnh, tinh tấn với diệu hạnh, thanh tịnh, không ô uế, từ bỏ dục vọng, dứt trừ tâm dục; đối với tâm phi Phạm hạnh, tôi đã tịnh trừ." uNày chư Hiên, tôi từ bỏ nói láo, đoạn trừ nói láo, nói điêu chân thật, ưa điều chân thật, dựa trên sự thật không sai trói, tất cả lời nói của tôi đều đáng tin cậy, không lừa dối thế gian; đối với tâm nói láo, tôi đã tịnh trừ. Này chư Hiền, tôi từ bỏ nói hai lưỡi, đoạn trừ nói hai lưỡi, tu hành không nói hai lưỡi, không phá hoại người khác, không nghe lời người này đem nói với người kia để phá hoại người này, không nghe lời người kia đem nói với người này để phá hoại người kia, người ly gián tôi làm cho hòa hợp, người đã sống hòa hợp tôi làm cho họ hoan hỷ, không chia phe đảng, không thích phe đảng; đối với tâm nói hai lưỡi, tôi đã tinh trừ. Này chư Hiền, tôi từ bỏ lời nói thô c, đoạn trừ lời nói thô ác; nếu có lời nói giọng điệu thô bỉ, lớn tiếng, nghịch tai, người nghe không ưa, không mến, khiến họ khổ não, không định tâm, tôi đoạn trừ lời nói như vậy;

nếu có lời nói êm diu, nhẹ nhàng, thuận tai, thông cảm đến tâm, làm cho người nghe vui vẻ, mến chuộng, sung sướng, tiếng nói rõ ràng, không làm cho người khác sợ, trái lại họ được định tâm, tôi nói lòd nói như vậy; đối với tâm nói lời thô ác, tôi đã tịnh trừ. Này chư Hiền, tôi từ bỏ lời nói thêu dệt, tránh xa lời nói thêu dệt, nói đúng lúc, nói chân thật, nói đúng pháp, nói đúng nghĩa, nói về tịch tinh, ưa nói vê tịch tĩnh, hợp thời, hợp lý, khéo dạy, khéo la măng; đôi với tâm nói thêu dệt, tôi đã tịnh trừ." "NÁy chư Hiền, tôi từ bỏ buôn bán, tránh xa sự buôn bán, xả bỏ nghề cân lường và đấu hộc, cũng không nhận hàng hóa, không chèn ép người, không mong gian lận, không vì lợi nhỏ mà lấn lướt người; đối với tâm sinh hoạt buôn bán, tôi đã tịnh trừ." "NÁy chư Hiền, tôi đã từ bỏ sự nhận đàn bà góa, con gái thơ, tránh xa việc nhận đàn bà góa, con gái thơ; đôi với tâm nhận đàn bà góa, con gái tho, tôi đã tịnh trừ. Này chư Hiền, tôi từ bỏ nhận nô tỳ, tránh xa việc nhận nô tỳ; đối với tâm nhận nô tỳ, tôi đã tịnh trừ. Này chư Hiền, tôi từ bỏ nhận voi, ngựa, trâu, dê, tránh xa việc nhận voi, ngựa, trâu, dê; đôi với tâm nhận

voi, ngựa, trâu, dê? tôi đã tinh trừ. Này chư Hiền, tôi từ bỏ nhận gà, heo, tránh xa việc nhận gà? heo; đối với tâm nhận gà, heo, tôi đã tinh trừ. Này chư Hiền, tôi từ bỏ nhận ruộng, nương, hàng, quán, tránh xa việc nhận ruộng, nương, hàng, quán; đối với tâm e /e v. nhận ruộng, nương, hàng, quán, tôi đã tịnh trừ. Này chư Hiên, tôi từ bỏ nhận lúa giống, lúa mạch, đậu, tránh xa việc nhận lúa giống, lúa mạch, đậu; đối với tâm nhận lúa giống, lúa mạch, đậu, tôi đã tịnh trừ.” “Này chư Hiên, tôi từ bỏ rượu, trinh xa rượu; đôi với tâm uông rượu, tôi đã tịnh trừ." "Này chư Hiền, tôi từ bỏ dùng giường cao, rộng lớn, tránh xa giường cao, rộng lớn; đối với tâm dùng giường cao, rộng lớn, tôi đã tinh trừ, Này chư Hiền, tôi từ bỏ trang sức vòng hoa, chuỗi ngọc, hương thoa, phan sáp, tránh xa trang sức vòng hoa, chuỗi ngọc, hương thoa, phấn sáp; đối với tâm trang sức vòng hoa, chuỗi ngọc, hương thoa, phấn sáp, tôi đã tịnh trừ. Này chư Hiền, tôi từ bỏ ca, múa, xướng, hát và đi xem nghe, tránh xa sự ca, múa, xướng, hát và đi xem nghe; đối với tâm ca, múa, xướng, hát và đi xem nghe, tôi đã tịnh trừ. Này chư Hiền, tôi từ bỏ nhận vàng bạc, tránh xa nhận vàng bạc; đối với tâm nhận vàng bạc, tôi đã tinh trừ. Này chư Hiền, tôi từ bỏ sự ăn quá ngọ, tránh xa sự ăn quá ngọ, ăn đúng ngọ, không ăn ban đêm, không ăn phi thời, học ăn đúng thời; đối với tâm ăn quá ngọ, tôi đã tịnh trừ.,, "Này chư Hiền, tôi đã thành tựu Thánh giới thân này, lại tu hành sự tri túc, áo cốt để che thân, ăn cốt để nuôi thân. Tôi đến chỗ nào là mang theo y, bát, không có luyến tiếc. Ví như chim nhạn cùng với hai cánh bay liệng trong hư không, tôi cũng như vay."

1074 KINH TRUNG A-HÀM

“Này chư Hiền, tôi đã thành tựu Thánh giới thân này và rất tri túc, lại chế ngự các căn, thường tâm niệm khép kín các căn, niệm mong câu sự minh dạt, thủ hộ niệm tâm mà được thành tựu, hằng tự khởi ý: Nếu mắt thấy sắc, không chấp thủ tướng, cũng không đắm vị của nó, vì (tránh) phẫn hận và não hại mà thủ hộ nhãn căn; trong tâm không sanh tham lam, buồn rầu và các pháp ác, bất thiện, vì hướng đến sự giải thoát mà thủ hộ nhãn căn. Cũng như vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý biết pháp, không chấp thủ tướng, cũng không đắm vị của nó, vì (tránh) phẫn hận và não hại mà thủ hộ ý căn; trong tâm không sanh tham lam, buồn rầu và các pháp ác, bất thiện, vì hướng đến sự giải thoát mà thủ hộ ý căn. Này chư Hiền, tôi đã thành tựu Thánh giới thân này và rất tri túc, thánh thủ hộ các căn, chân chánh biết sự ra vào, khéo quán sát các cử chỉ co, duỗi, cúi, ngước, nghi dung đĩnh đạc, khéo đắp Tăng-già-lê và mang y, bát; di, đứng, nằm, ngồi, ngủ, thức, nói năng, im lặng, tôi đều chân chánh nhận biết." "Này chư Hiền, tôi đã thành tựu Thánh giới thân này, rất tri túc và cũng thành tựu Thánh thủ hộ các căn, chân chánh biết sự ra vào; rồi sống riêng một mình tại nơi xa văng, trong rừng văng hoặc đên nơi góc cây, nơi tĩnh mịch, vô sự, an nhàn, hoặc chỗ núi rừng, hang đá, đất trống, lùm cây, hoặc vào trong rừng, hoặc ở giữa gò mã. Này chư Hiên, tôi đã ở nơi rừng văng hoặc dưới góc cây, nơi yên tĩnh, trải tọa cụ ngồi kiết-già, thân ngay thẳng, chánh nguyện phản niệm vào trong, đoạn trừ tham lam, tâm không não hại; thấy của cải và dụng cụ sinh hoạt của người khác, không khởi lòng tham lam, muốn được về mình; đôi với tâm tham lam, tôi đã tinh trừ. Cũng như vậy, đôi với tâm sân nhuê, thụy miên, trạo hối, đoạn nghi, độ hoặc; đối với các thiện pháp, tôi không còn do dự; đối với tâm nghi hoặc, tôi đã tịnh trừ." "Này chư Hiền, tôi đã đoạn trừ năm triền cái, chúng làm

tâm ô uế, làm tuệ yêu kém; xa lìa dục, lìa pháp ác, bát thiện, cho đên chứng đác Thiên thứ tư, thành tựu và an trú." “Này chư Hiền, tôi đã được định tâm như vậy, thanh tịnh, không ô uế, không phiên nhiệt, nhu nhuyễn, an trú vững vàng, được bát động tâm, hướng đến chứng ngộ trí Lậu tận thong?9 "Này chư Hiền, tôi biết như thật rằng: 'Đay là khổ\ biết như thật: 'Đây là khổ tập\ biết như thật: 'Đây là khổ diệt9 và biết như thật: 'Đây là khổ diệt dạo'; biết như thật: 'Đây là lậu\ 'đây là lậu tập\ 'đây là lậu diệf và 'đây là lậu diệt đạo/ Biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu và vô minh lậu; khi đã giải thoát, liền biết mình đã giải thoát và biết một cách như thật rằng: 'Sự sanh đã hết, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa/ Này chư Hiền, tôi biết như vậy, thấy như vậy đối với thân có thức bên trong và các tướng bên ngoài để có đoạn biến tri về tự ngã, tất cả của ta, ta và tự ngã như là tác giả và mạn kiết sử nhổ tuyệt gốc rễ của chúng, không còn tái sanh nữa.,,

187. KINH THUYẾT TRÍ 1075

Vị Tỳ-kheo đã dứt sạch các lậu và tự biết mình Phạm hạnh đã vững nên đáp như vậy. Các thây sau khi nghe roi nên khen là đúng và hoan hỷ phụng hành. Sau khi khen là đúng và hoan hỷ phụng hành rồi, các thầy nên nói với vị Tỳ- kheo ấy như vầy: "Này Hiền giả, khi Hiền giả vừa nói, chúng tôi đã đẹp lòng, đã hoan hỷ, nhưng chúng tôi muốn theo Hiền giả để tăng tiến càng tăng tiến, mong cầu trí tuệ và ứng đối biện tài, vì vậy chúng tôi hỏi Hiền giả, rồi lại hỏi nữa.,, Phật thuyết như vậy5 các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

188. KINH A-DI-NA Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ9 trú tại Đông Viên, Lộc Tử Mau giảng đường. Bấy giờ, vào lúc xế trưa, đức Thế Tôn từ tĩnh tọa dậy, bước xuống giảng đường, đi kinh hành trên khoảng đất trống, trong bóng mát của giảng đường và thuyết giảng rộng rãi về pháp thậm thâm vi diệu cho các Tỳ-kheo nghe. Lúc ấy, di học A-di-na? đệ tử của Sa-môn Mandầu, từ xa thấy đức Thế Tôn từ tĩnh tọa dậy, bước xuống giảng đường, đi kinh hành trên khoảng đất trống, trong bóng mát của giảng đường và thuyết giảng rộng rãi về pháp thậm thâm vi diệu cho các Tỳ-kheo nghe. Dị học A-di-na, đệ tử của Sa-môn Man-đầu, đến chỗ Phật, chào hỏi và kinh hành theo Phật. Đức Thế Tôn quay lại hỏi: -Này A-di-na, Sa-môn Man-đầu thật sự tư duy với năm trăm tư duy. Nếu có dị học Sa-môn, Phạm chí nào là vi nhất thiết tri, nhất thiết kiến, tự cho là “Ta có tri kiến toàn triệf\ nhung nếu có lầm lẫn thì vị ấy cũng nhận là lầm lẫn? Dị học A-di-na, đệ tử Sa-môn Man-đầu đáp: -Thưa Cù-đàm, Sa-môn Man-đầu thật sự tư duy với năm trâm tư duy. Nếu có dị học Sa-môn9 Phạm chí nào là vị nhất thiết tri, nhất thiết kiến, tự cho là uTa có tri kiến toàn triệf\ nhimg nếu có làm lẫn thì vị ấy cũng phải tự nhận là làm lẫn. Đức Thế Tôn lại hỏi: Này A-di-na, thê nào là Sa-môn Man-đâu thật sự tư duy với năm trăm tư duy. Nếu có dị học Sa-môn, Phạm chí nào là vị nhất thiết tri, nhất thiết kiến, tự cho là "Ta có tri kiến toàn triệf\ nhimg nếu có lầm lẫn thì vị ấy tự nhận là lẩm lẫn? Di học A-di-na, đệ tử Sa-môn Man-đầu đáp: - Thưa Cù-đàm? Sa-môn Man-đầu nói như vầy: "Nếu khi di, khi dứng, khi nằm, khi ngồi, khi ngủ, khi thức, lúc tối hay ban ngày thì vẫn thường không chướng ngại tri kiến. Nhimg cũng có khi gặp voi chạy càn, ngựa phóng đại, xe ruồi nhanh, lính bại trận, con trai chạy, con gái chạy,

hoặc đi trên con đường nào đó mà gặp voi dữ, ngựa chứng, trâu hung, chó dại, hoặc ổ rắn, hoặc bị ném đất, hoặc bi gậy đánh, hoặc lọt xuống rãnh, hoặc rơi vào hầm xí, hoặc đạp lên trâu đang nằm, hoặc sa xuống hầm sâu, hoặc đâm vào bụi gai, hoặc vào thôn ấp phải hỏi tên, hỏi đường, hoặc gặp kẻ trai người gái phải hỏi họ, hỏi tên, hoặc nhìn

lầm nhà trống, hoặc vào dòng họ nào đó và khi vào rồi được hỏi rằng: 'ông ở đâu đến?' Ta đáp rằng: 'Này chư Hiền, tôi đi lộn đường.959 Thưa Cù-đàm, Sa- môn Man-đầu đại loại như vậy, tư duy với năm trăm tư duy. Nếu có dị học Sa- mon? Phạm chí nào là bậc nhát thiết tri, nhất thiết kiến, tự cho rằng: "Ta có tri kiến toàn triệf\ nhưng vị ấy cũng có những lầm lẫn như vậy. Rồi đức Thế Tôn đi kinh hành đến cuối đường, dừng lại, trải tọa cụ, ngồi kiết-già và hỏi các Tỳ-kheo: -Những sự kiện trí tuệ được Ta nói đến, các thầy có thọ trì chăng? Các Tỳ-kheo im lặng, không đáp. Đức Thế Tôn hỏi như vậy đến ba lần: -Những sự kiện trí tuệ được Ta nói đến, các thầy có thọ trì chăng? Các Tỳ-kheo cũng ba lần im lặng, không đáp. Lúc ây, có một Tỳ-kheo liên từ chô ngôi đứng dậy, trịch vai áo, chăp tay hướng đến Phật và bạch: —Bạch Thế Tôn, nay thật là đúng lúc! Bạch Thiện Thệ, nay thật là đúng lúc! Nếu Thế Tôn nói những sự kiện trí tuệ cho các Tỳ-kheo nghe, các Tỳ-kheo sau khi nghe Thế Tôn nói, sẽ thọ trì cẩn thận. Đức The Ton noi: Này Tỳ-kheo, hãy nghe rõ và suy niệm kỹ, Ta sẽ phân tích cặn kẽ cho các thầy! Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch: Chúng con kính vâng lời lắng nghe! Đức Phật dạy: —Có hai chúng, một là chúng pháp, hai là chúng phi pháp. Sao gọi là chúng phi pháp? Hoặc có người làm việc phi pháp, nói lời phi ^)háp;và chúng ấy cũng làm việc phi pháp, nói lời phi pháp. Người phi pháp ấy cam đau trong chúng phi pháp, theo những điều chính mình đã biết, nhưng lại bang những lời hư vọnẹ, không chan thật mà hiển thi, phân biệt, thiết định hành vi, liru bố, tuần tự thuyet pháp, muốn đoạn trừ sự xấu xa trong tâm ý người khác, khi bị cật vấn thì không thể trả lời được; đối với trong Chánh pháp, Luật không thể xứng lập những điều chính mình đã biết, nhimg người phi pháp đứng đầu trong chúng phi pháp tự cho là "Ta có trí tuệ, hiểu biết tất cảy ơ nơi nào mà sự kiện trí tuệ được nói đến như vậy, ở đó được gọi là chúng phi pháp. Sao gọi là chúng pháp? Hoặc có người làm đúng như pháp, nói như pháp, và chúng ấy cũng làm đúng như pháp, nói như pháp. Người đúng pháp ấy đứng đầu trong chúng pháp, theo những điều chính mình đã biết, không bằng những lời hư vọng, mà bằng sự chắc thật, hiển thị, phân biệt, thiết đinh hành vi, lưu bô, tuân tự thuyêt pháp, muôn đoạn trừ sự xâu xa trong tâm ý người khác, khi bị cật vấn thì có thể trả lời được; đối với Chánh pháp, Luật, có thể xứng lập những điều chính mình đã biêt, và người ây đứng đâu trong chúng pháp tự cho là “Ta

CÓ trí tuệ, hiểu biết tất c"ở nơi nào mà sự kiện trí tuệ được nói đến như vậy, ở đó được gọi là chúng pháp. Cho nên các thầy nên biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa. Sau khi đã biêt pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa roi, các thây nên học pháp như thật và nghĩa như thật. Phật thuyết như vậy rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vào tịnh thất tĩnh tọa. Bấy giờ, các Tỳ-kheo liền suy nghĩ: "Chu Hiền nên biết, đức Thế Tôn chỉ nói

vắn tắt ý nghĩa này, không phân biệt rộng rãi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vào tịnh thất tĩnh tọa: 'Các thầy nên biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa. Sau khi đã biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa roi, các thây nên học pháp như thật và nghĩa như that.'" Họ lại nghĩ rang: "Chư Hiền, ai có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà đức Thế Tôn đã giảng thuyết vắn t*t?" Họ lại nghĩ rằng: "Tôn giả A-nan là thị giả của Phật, hiểu biết ý Phật, thường được Thế Tôn và các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi; Tôn giả A-nan có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà đức Thế Tôn đã giảng thuyết vắn tắt. Chư Hiền, chúng ta cùng nhau đi đến chỗ Tôn giả A-nan mà yêu cầu nói ý nghĩa này. Nếu được tôn giả A-nan phân biệt cho, chúng ta sẽ khéo léo thọ tri." Rồi các Tỳ-kheo đi đến chỗ Tôn giả A-nan, chào hỏi xong, ngồi xuống một bên và thưa: Thưa Tôn giả A-nan? xin biết cho, đức Thế Tôn chỉ nói vắn tắt ý nghĩa này, không phân biệt rộng rãi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vào tịnh thất tĩnh tọa: "Các thầy nên biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa. Sau khi đã biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa rồi, các thầy nên học pháp như thật và nghĩa như that." Chúng tôi liền suy nghĩ: "Chư Hiền, ai có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà đức Thế Tôn đã giảng thuyết vắn tắt?" Chúng tôi lại nghĩ: "Tôn giả A-nan là thị giả Phật, hiểu biết ý Phật, thường được Thế Tôn và các vị Phạm hạnh có trí khen ngợi; Tôn giả A-nan có thể phân biệt rộng rãi ý nghĩa mà đức Thế Tôn đã giảng thuyết vắn tắt?9 Cúi mong Tôn giả A-nan vì lòng từ mẫn mà phân biệt rộng rãi cho! Tôn giả A-nan trả lời: Này chư Hiền, hãy lắng nghe tôi nói ví dụ, người có trí nghe ví dụ thì hiểu rõ ý nghĩa! Này chư Hiền, ví như có người muốn tìm lõi cây, vì muốn tìm lõi cây nên xách búa vào rừng. Người ấy thấy một gốc cây to, đã đầy đủ rễ, thân, đốt, cành, lá? hoa và lõi. Người ấy không đụng đến rễ9 thân, đốt, lõi, mà chỉ đụng đến cành, lá. Những điều mà chư Hiền nói cũng ệiống như vậy, đức Thế Tôn đang còn đó mà chư Hiền lại bỏ đi và tìm đến tôi để hỏi ý nghĩa này. Vì sao vậy? Chư Hiền nên biết, Thế Tôn là bậc Có Mắt, là Trí, là Nghĩa, là Pháp, là Pháp Chủ, là Pháp Tướng, là bậc Nói Nghĩa Chơn Đe, mọi cứu cánh được chỉ bày do bởi đức Thế Tôn. Chư Hiền nên đến chỗ đức Thế Tôn mà hỏi ý nghĩa này: "Bạch Thế Tôn,

điều này là thế nào? Điều này có ý nghĩa gi?" Đúng theo những lời Thế Tôn nói, chư Hiên hãy khéo léo thọ trì! Lúc ấy, các Tỳ-kheo thưa: Thưa Tôn giả A-nan, vâng! Đức Thế Tôn là bậc Có Mắt? là Trí, là Nghĩa, là Pháp, là Pháp Chủ, là Pháp Tướng, là bậc Nói Nghĩa Chơn Đe, mọi cứu cánh được chỉ bày do bởi đức Thế Tôn. Nhrnig Tôn giả A-nan là thị giả của Phật, hiểu biết ý Phật, thường được Thế Tôn và các vi Phạm hạnh có trí khen ngợi. _ 9 _ _ _ _ ĩ Thưa Tôn giả A-nan, Tôn giả co the phan biệt rộng rãi y nghĩa ma đức The Ton đã giảng thuyết một cách vắn tắt. Cúi mong Tôn giả A-nan vì lòng từ mẫn mà phân biệt rộng rãi cho! Tôn giả A-nan nói với các Tỳ-kheo: Này chư Hiền, vậy hãy nghe tôi nói! Này chư Hiền, tà kiến là phi pháp, chánh kiến là pháp. Nếu nhân bởi tà kiến mà sanh ra vô lượng pháp ác, bất thiện, đó gọi là phi nghĩa; nếu nhân bởi chánh kiến mà sanh ra vô lượng pháp thiện, đó gọi là nghĩa. Này chư Hiền, cho đến tà trí là phi pháp, chánh trí là pháp. Nếu nhân bởi tà trí mà sanh ra vô lượng pháp ác, bát thiện, đó gọi là phi nghĩa; nếu nhân bởi chánh trí mà sanh ra vô lượng pháp thiện, đó gọi là nghĩa. Này chư Hiền, sự kiện đức Thế Tôn chỉ nói vắn tắt ý nghĩa này, không

phân biệt rộng rãi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vào tinh thất tĩnh tọa: :Cho nên các thầy nên biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghĩa. Sau khi đã biết pháp và phi pháp, nghĩa và phi nghía roi, các thầy nên học pháp như thật và nghĩa như that." Ý nghĩa mà đức The Ton chỉ nói van tắt chứ không phân biệt rộng rãi này, tôi bằng câu ấy, bằng văn ấy mà diễn rộng ra như vậy. Chư Hiền có thể đến trình bày đầy đủ lên đức Phật. Nếu đúng ý nghĩa mà đức Thế Tôn nói thì chư Hiền hãy thọ trì. Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những gì Tôn giả A-nan nói, khéo léo thọ trì, đọc thuộc, liền từ chỗ ngồi đứng dậy9 nhiễu quanh Tôn gia A-nan ba vòng rồi đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ, ngồi xuống một bên và bạch: Bạch The Ton, vừa roi, The Ton chi noi van tát y nghĩa nay, không phan biệt rộng rãi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, vào tịnh thất tĩnh tọa. Tôn giả A-nan đã bằng câu ấy, bằng văn ấy mà diễn rộng ra. Đức Thế Tôn nghe xong, khen: Lành thay! Lành thay! Trong hàng đệ tử của Ta có những vị có mắt, có trí, có pháp, có nghĩa. Vì sao vậy? Vì Tôn sư nói ý nghĩa này cho đệ tử một cách vắn tắt mà không phân biệt rộng rãi; đệ tử bằng câu ấy, bằng văn ấy mà diễn rộng ra. Đúng như những gì A-nan nói, các thày hãy như vậy mà thọ trì. Vì sao vậy? Vì thuyết quán nghĩa phải như vậy. Đức Phật thuyêt như vậy, các Tỳ-kheo ây sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

189. KINH THÁNH ĐẠO Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại nước Câu-lâu-sấu, đô ấp Kiếm-ma-sắt-đàm- câu-lâu. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Có một con đường khiến chúng sanh được thanh tịnh, xả bỏ ưu sầu, dứt hét thông khô, chứng được như pháp. Đó là Thánh chánh định, có tập, có trợ và cũng có cụ, bao gồm bảy chi. Thế nào là ở nơi Thánh chánh đinh nói tập, nói trợ và nói cụ bao gồm bảy chi? Đó là chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm. Nếu do bảy chi này mà CÓ tập, có trợ và có cụ khéo hướng đên, tâm được chuyên nhát, đó gọi là Thánh chánh định có tập, có trợ và có cụ. Vì sao vậy? Vì chánh kiến sanh ra chánh chí; chánh chí sanh ra chánh ngữ; chánh ngữ sanh ra chánh nghiệp; chánh nghiệp sanh ra chánh mạng; chánh mạng sanh ra chánh phương tiện; chánh phương tiện sanh ra chánh niệm; nhờ có chánh niệm sanh ra chánh định. Hiền thánh đệ tử tâm được chánh định như vậy lập tức dứt sạch dâm, nộ, si. Hiền thánh đệ tử chánh tâm giải thoát như thế lập tức biết như thật rằng: "Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa." Trong các chi ây, chánh kiên đứng ngay hàng đâu. Nêu thây tà kiên là tà kiến thì đó gọi là chánh kiến; nếu thấy chánh kiến là chánh kiến thì đó cũng gọi là chánh kiến. Thế nào là tà kiến? Đó là cho rằng không có bố thí, không có trai tự, không có chú thuyết, không có thiện nghiệp, ác nghiệp, không có thiện báo, ác báo, không có đời này, không có đời sau, không có cha, không có mẹ; trên đời này không có bậc chân nhân đi đến thiện xứ, khéo ra khỏi cõi này, khéo hướng đến cõi kia, trong đời này hay đời sau mà tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trú. Như vậy gọi là tà kiên. Thế nào gọi là chánh kiến? Đó là thấy rằng có bố thí, có trai tự, có chú thuyết, có thiện nghiệp, ác nghiệp, thiện báo, ác báo, có đời này, đời sau, có cha, có mẹ; trên đời có bậc chân nhân đi đến thiện xứ, khéo ra khỏi cõi này, khéo hướng đen cõi kia, đời này hay đời sau mà tự tri, tự giác, tự tác chứng, tựu thành an trú. Như vậy gọi là chánh kiến. Đó gọi là thấy tà kiến là tà kiến thì đó gọi là chánh kiên; thây chánh kiên là chánh kiên thì đó cũng gọi là chánh kiên.

Khi biết như thê rôi5 liên phát tâm câu học, muôn đoạn trừ tà kiên, thành tựu chánh kiến, đó gọi là chánh phương tiện. Tỳ-kheo suy niệm về sự đoạn trừ nơi tà kiến, thành tựu chánh kiến, đó gọi là chánh niệm. Cả ba chi đi theo chánh kiến, do phương tiện của kiến, vì thế cho nên bảo là chánh kiến đứng ở hàng đầu. Nếu thấy tà chí là tà chí thì đó gọi là chánh chí; nếu thấy chánh chí là chánh chí thì đó cũng gọi là chánh chí. Thế nào gọi là tà chí? Đó là niệm dục, niệm nhuế, niệm hại, được gọi là tà chí. Thế nào gọi là chánh chí? Đó là không niệm dục, không niệm nhuế, không niệm hại, được gọi là chánh chí. Đó gọi là thay tà chí là tà chí thì đó gọi là chánh chí; thấy chánh chí là chánh chí thì đó cũng gọi là chánh chí. Khi biết như thê roi, liên phát tâm câu học, muôn đoạn trừ tà chí, thành tựu chánh chí, đó gọi là chánh phương tiện. Tỳ-kheo suy niệm sự đoạn trừ nơi tà chí, thành tựu chánh chí, đó gọi là chánh niệm. Tát cả ba chi này đi theo chánh chí, do phương tiện của kiến, vì thế cho nên bảo là chánh kiến đứng ở hàng đầu. Nếu thấy tà ngữ là tà ngữ thì đó gọi là chánh ngữ; nếu thấy chánh ngữ là chánh ngữ thì đó cũng gọi là chánh ngữ. Thế nào gọi là tà ngữ? Nói dối, nói hai lưỡi, nói lời thô ác, nói lời thêu dệt, đó gọi là tà ngữ. Thế nào là chánh ngữ? Không nói dối, không nói hai lưỡi, không nói lời thô ác, không nói lời thêu dệt, đó gọi là chánh ngữ. Đó gọi là thấy tà ngữ là tà ngữ thì đó gọi là chánh ngữ; thấy chánh ngữ là chánh ngữ thì đó cũng gọi là chánh ngữ. Khi biết như vậy roi, liên phát tâm câu học, muôn đoạn trừ tà ngữ, thành tựu chánh ngữ, đó gọi là chánh phương tiện. Tỳ-kheo suy niệm sự đoạn trừ tà ngữ, thành tựu chánh ngữ, đó gọi là chánh niệm. Cả ba chi này đi theo chánh ngữ, do phương tiện của kiến, vì thế cho nên bảo là chánh kiến đứng ở hàng đầu. Nếu thấy tà nghiệp là tà nghiệp thì đó gọi là chánh nghiệp; nếu thấy chánh nghiệp là chánh nghiệp thì đó cũng gọi là chánh nghiệp. Thế nào gọi là tà nghiệp? Sát sanh, trộm cướp, tà dâm, đó gọi là tà nghiệp. Thế nào gọi là chánh nghiệp? Lìa sát sanh, trộm cướp, tà dâm, đó gọi là chánh nghiệp. Đó gọi là thấy tà nghiệp là tà nghiệp thì đó gọi là chánh nghiệp; thấy chánh nghiệp là chánh nghiệp thì đó cũng gọi là chánh nghiệp. Khi biết như thế rồi, liền phát tâm cầu học, muốn đoạn trừ tà nghiệp, thành tựu chánh nghiệp, đó gọi là chánh phương tiện. Tỳ-kheo suy niệm sự đoạn trừ tà nghiệp, thành tựu chánh nghiệp, đó gọi là chánh niệm. Cả ba chi này đi theo chánh nghiệp, do kiến làm phương tiện, vì thế cho nên bảo là chánh kiến đứng ở hàng đầu. Nếu thấy tà mạng là tà mạng thì đó gọi là chánh mạng; nếu thấy chánh mạng là chánh mạng thì đó cũng gọi là chánh mạng.

Thê nào gọi là tà mạng? Nêu có mong câu mà không biêt đủ, dùng các loại chú thuật súc sanh, sống theo lối tà mạng, sống không đúng pháp cầu y thực, giường chõng, thuôc thang và các nhu yêu sinh sông; dùng phi pháp như thê gọi là tà mạng. Thê nào là chánh mạng? Nêu sự mong câu biêt đủ, không dùng các loại chú thuật súc sanh, không sống theo lối tà mạng, sống đúng pháp cầu y thực, giường chõng, thuốc thang và các nhu yếu sinh song; dùng đúng pháp như thế gọi là chánh mạng. Đó gọi là thấy tà mạng là tà mạng thì đó gọi là chánh mạng; thấy chánh mạng là chánh mạng thì đó cũng gọi là chánh mạng. Khi biêt như thê roi, liên phát tâm câu học, muôn đoạn trừ tà mạng,

thành tựu chánh mạng, đó gọi là chánh phương tiện. Tỳ-kheo suy niệm đoạn trừ sự tà mạng, thành tựu chánh mạng, đó gọi là chánh niệm. Cả ba chi này đi theo chánh mạng, do kiên làm phương tiện, vì thê cho nên bảo là chánh kiên đứng ở hàng đàu. Thế nào gọi là chánh phương tiện? Vị Tỳ-kheo đối với ác pháp đã sanh, vì để đoạn trừ nên phát khởi ý dục, tìm phương tiện, tinh cần, sách lệ tâm mà tiêu diệt; đối với ác pháp chưa sanh, vì để nó không sanh nên phát khởi ý dục, tìm phương tiện, tinh cần, sách lệ tâm mà tiêu diệt; đối với thiện pháp chưa sanh, vì để sanh nên phát khởi ý dục, tìm phương tiện, tinh cần5 sách lệ tâm mà tiêu diệt; đối với thiện pháp đã sanh, vì để tồn tại không mất, không lui sụt, để tăng trưởng phát triển, tu tập đầy đủ, nên phát khởi ý dục, tìm phương tiện, tinh càn, sách lệ mà tâm tiêu diệt. Đó gọi là chánh phương tiện. Thế nào gọi là chánh niệm? Tỳ-kheo quán nội thân như thân, cho đến quán thọ, tâm, quán pháp như pháp. Đó gọi là chánh niệm. Thế nào gọi là chánh định? Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác, bất thiện, cho đến chứng Thiền thứ tư, thành tựu an tru. Đó gọi là chánh định. Thế nào gọi là chánh giải thoát? Tỳ-kheo tâm giải thoát dục, tâm giải thoát nhuế, si. Đó gọi là chánh giải thoát. Thế nào gọi là chánh trí? Tỳ-kheo biết tâm giải thoát dục, tâm giải thoát nhuế, si. Đó gọi là chánh trí. Đó là bậc Hữu học thành tựu tám chi, Lậu tận A-la-hán thành tựu mười chi. Thế nào là Hữu học thành tựu tám chi? Đó là học từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó là Hữu học thành tựu tám chi. Thế nào là Lậu tận A-la-hán thành tựu mười chi? Đó là Vô học chánh kiến r * * J cho đên Vô học chánh .C trí. Đó là Lậu * srtận A-la-hán A thành e tựu mười chi. Vì sao như vậy? Vì chánh kiên là đoạn trừ tà kiên. Nêu nhân tà kiên mà sanh vô lượng pháp ác? bất thiện, vi ấy cũng đoạn trừ nó. Nếu nhân chánh kiến sanh ra vô lượng pháp thiện, vi ấy tu tập được sung mãn. Cho đến chánh trí đoạn trừ tà trí. Nếu nhân tà trí mà sanh vô lượng pháp ảc, bất thiện, vị ấy cũng đoạn trừ nó. Nếu nhân chánh trí mà sanh vô lượng pháp thiện, vị ấy tu tập để được sung mãn.

1084 KINH TRUNG A-HÀM

ĐÓ là hai mươi phẩm thiện và hai mươi phẩm bất thiện. Đó là tuyên thuyết bốn mươi đại pháp phẩm được chuyển vận nơi Phạm luân mà không một ai có thể chặn đứng được, dù là Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, Ma, Phạm và các loại thế gian khác. Đối với bốn mươi đại pháp phẩm mà Ta tuyên thuyết được chuyển vận nơi Phạm luân ấy, không một ai có thể chặn đứng dù là Sa-môn? Phạm chí, chư Thiên, Ma, Phạm và các loại thế gian khác; mà nếu có Sa-môn? Phạm chí nào phi bác, vi ấy đối với như pháp có mười trường hợp đáng bi chỉ trích. Những gì là mười? Hoặc chê bai chánh kiên, khen ngợi tà kiên. Nêu có Sa-môn, Phạm chí nào có tà kiến mà hoặc cúng dường vị ấy, hoặc tán thán vị ấy; đối với bốn mươi đại pháp phẩm mà Ta tuyên thuyết được chuyển vận nơi Phạm luân, không một ai có thể chặn đứng dù là Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, Ma, Phạm và các loại thế gian khác ấy, mà nếu có Sa-môn, Phạm chí nào phi bác, vị ấy đối với như pháp, đây là trường hợp thứ nhất đáng bị chỉ trích. Hoặc chê bai cho đến chánh trí, khen ngợi tà trí. Nếu có Sa-môn, Phạm chí nào có tà trí mà hoặc cúng dường vị ấy, hoặc tán thán vị ấy; đối với bốn mươi đại pháp phẩm mà Ta tuyên thuyết được chuyển vận nơi Phạm luân, không một ai có thể chặn đứng dù là Sa-môn5 Phạm chí, chư Thiên, Ma, Phạm và các loại thế gian khác ấy, mà có Sa-môn, Phạm chí nào phi bác,

vi ấy đối với như pháp, đây là trường hợp thứ mười đáng bị chỉ trích. Đó gọi là đối với như pháp có mười trường hợp đáng bi chỉ trích, nếu có Sa- môn, Phạm chí nào đôi với bôn mươi đại pháp phàm mà Ta tuyên thuyêt, được chuyển vận nơi Phạm luân, không một ai có thể chặn đứng dù là Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, Ma, Phạm và các loại thế gian khác mà phi bác. Lại có những Sa-môn, Phạm chí khác sống ngồi chồm hổm, thuyết giảng sự ngồi chồm hổm, sống vô sở hữu, thuyết giảng vô sở hữu, thuyết vô nhân, thuyết vô tác, thuyết vô nghiệp, nghĩa là đối với thiện, ác được tạo tác bởi người này hay người kia mà chủ trương đoạn tuyệt, phá hoại ở kia hay ở đây; những người ấy đối với bốn mươi đại pháp phẩm mà Ta tuyên thuyết được chuyển vận nơi Phạm luân, không một ai có thể chặn đứng dù là Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, Ma, Phạm và các loại thế gian khác, những người ấy cũng có sự chỉ trích, lo lắng, sợ hãi. Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

190. KINH TIỂU KHÔNG Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, tại Đông Viên, Lộc Tử Mau giảng đường. Bấy giờ, Tôn giả A-nan vào lúc xế trưa, từ thiền tọa đứng dậy, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật rồi đứng sang một bên và bạch: Bạch Thế Tôn, một thời, Thế Tôn du hành giữa những người họ Thích, trong thành tên là Thích đô ấp. Lúc ấy, con được nghe Thế Ton nói nghĩa như vầy: "Này A-nan, Ta phần nhiều an trú nơi Không!,9 Bạch Thế Tôn, có phải là con biết rõ? nhận rõ và nhớ kỹ không? Bay giơ, The Ton đáp: Này A-nan, những lời của Ta nói, thầy thật sự biết rõ, nhận rõ và nhớ kỹ. Vì sao? Vì từ trước đên nay, Ta phân nhiêu an trú nơi Không! Này A-nan, như giảng đường Lộc Tử Mau này trống không, không có voi, ngựa, trâu, dê, tài vật, lúa, thóc, nô tỳ, nhưng có cái không trống không, đó là chỉ có chúng Ty-kheo. Cho nên, này A-nan, nếu những gì không có ở trong giảng đường này thì vì thê mà Ta thây là không; nêu những thứ khác mà có thì Ta thấy thật sự là có. Này A-nan, đấy gọi là an trú chân thật tánh không, không điên đao. Này A-nan, Ty-kheo nào nếu muốn an tru nhiều trong tánh không, Ty-kheo ấy đừng suy niệm đến ý tưởng về xóm làng, đừng suy niệm đến ý tưởng về người, mà hãy thường suy niệm đên một ý tưởng thuần nhát vê rừng văng. Vị ây nhận biêt như vây: "Trông không ý tưởng vê xóm làng, trông không ý tưởng vê người; nhimg có một cái không trông không, đó là chỉ có ý tưởng thuần nhát vê rừng văng.,, Vi ây biêt răng: uNêu có sự phiên chán do ý tưởng vê xóm làng thì ở đây ta không có sự ấy. Nếu có sự phiền chán do ý tưởng về người thì ở đây ta cũng không có sự ấy. ở đây, chỉ có sự phiền chán do ý tưởng thuần nhất về rừng vang/9 Nêu trong đó không có gì cả thì chính do đó mà vị ây thây là trông không; nêu trong đó còn có cái khác thì vị ây thây là chân thật có. Này A-nan, đó là an trú chân thật tánh không, không điên đảo. Lại nữa, này A-nan, Tỳ-kheo nêu muôn an tru nhiêu trong tánh không, Tỳ- kheo ấy đừng suy niệm đến ý tưởng về người, đừng suy niệm đến ý tưởng về rừng vắng, mà hãy thường suy niệm đến ý tưởng thuần nhất về đất. Tỳ-kheo ây nêu thây đát này có cao, có tháp, có ô răn, có bụi gai, có cát, có đá, núi lởm

chởm, sông sâu thì chớ có suy niệm đên; nêu thây đát này băng phăng như lòng bàn tay, chỗ trông ra được rõ ràng thì hãy thường suy niệm đến. Này A-nan, ví như da trâu,

lấy một trăm cây đinh mà căng ra; sau khi căng ra thì rất thẳng, không nhăn, không rút lại. Nêu thây chô đát này có cao, có tháp, có ô răn, có bụi gai, có cát, có dá, có lởm chởm, sông sâu thì chớ có suy niệm đên; nêu thây chô đất này bằng phẳng như lòng bàn tay, chỗ trông ra được rõ ràng thì hãy thường suy niệm đến. Vị ấy biết như vậy, biết rằng: "Trống không ý tưởng về người, trống không về ý tưởng rừng vắng; nhưng có một cái không trống không, đó là chỉ có ý tưởng thuần nhất về đất." Vị ấy biết rằng: "Nếu có sự phiền chán do ý tưởng vê người thì ở đây ta không có sự áy. Nêu có sự phiên chán do ý tưởng về rừng vắng thì ở đây ta cũng không có sự ấy. ở đây, chỉ có sự phiền chán do ý tưởng thuần nhất về đất" Nếu trong đó không có gì cả thì chíiứi do đó mà vị ấy thấy là trống không; nếu trong đó còn có cái khác thì vị ấy thấy là chân thật có. Này A-nan, đó là an trú chân thật tánh không, không điên đảo. Lại nữa, này A-nan, Ty-kheo nêu muôn an trú nhiêu trong tánh không, Ty-kheo ấy đừng suy niệm đến ý tưởng về rừng vắng, đừng suy niệm đến ý tưởng về đất, mà hãy thường suy niệm đến ý tưởng thuần nhất về Vô lượng không xứ. Vi ấy nhận biết như vầy: "Trống không ý tưởng về rừng vắng, trống không ý tưởng về đất; nhung có một cái không trống không, đó là chỉ có ý tưởng thuần nhất về Vô lượng không xứy Vị ấy biết rằng: "Nếu có sự phiên chán đo ý tưởng vê rừng văng thì ở đây ta không có sự áy. Nêu có sự phiên chán do ý tưởng vê đát thì ở đây ta cũng không có sự ây. ơ đây, chỉ có Sự phiên chán do ý tưởng thuần nhát vê Vô lượng không xứ." Nêu trong đó không có gì cả thì chính do đó mà vị ấy thấy trống không; nếu trong đó còn có cái khác thì vị ấy thấy ỉa chân thật có. Này A-nan, đó là an trú chân thật tánh không, không điên đảo. Lại nữa, này A-nan, Ty-kheo muôn an tru nhiêu trong tánh không, Ty-kheo M A n a .), o \ c áy đừng suy niệm đên ý tưởng vê
dát, đừng suy niệm đên ý tưởng vê Vô lượng không xứ, mà hãy thường suy niệm đên ý tưởng thuần nhát vê Vô lượng thức xứ. Vị ấy nhận biết như vầy: "Trống không ý tưởng về đất, trống không về ý tưởng Vô lượng không xứ; nhưng có một cái không trống không, đó là chỉ có ý tưởng thuần nhất về Vô lượng thức xứ." Vị ấy biết rằng: "Nếu có sự phiền chán do ý tưởng về đất thì ở đây ta không có sự ấy. Nếu có sự phiền chán do ý tưởng về Vô lượng không xứ thì ở đây ta cũng không có sự ấy. ở đây, chỉ có sự phiền chán do ý tưởng thuần nhất về Vô lượng thức xứ." Nếu trong đó không có gì cả thì chính vì vậy mà vi ấy thấy là trống không; nếu trong đó còn có một cái khác thì vi ấy thấy là chân thật có. Này A-nan, đó là an trú chân thật tánh không, không điên đảo. 5 k k f 1 • Ầ f \ Lại nữa, này A-nan, Tỳ-kheo nêu muôn an trú nhiêu trong tánh không, Tỳ-kheo ấy đừng suy niệm đến ý tưởng về Vô lượng không xứ, đừng suy niệm về

VÔ lượng thức xứ, mà hãy thường suy niệm đến ý tưởng thuần nhất về Vô sở hữu xứ. Vi ấy nhận biết như vầy: "Trống không ý tưởng về Vô lượng không xứ, trông không ý tưởng vê Vô lượng thức xứ; nhung có một cái không trông không, đó là chỉ có ý tưởng thuần nhất về Vô sở hữu xứ." Vi ấy biết rằng: "Nêu có sự phiền chán do ý tưởng về Vô lượng không xứ thì ở đây ta không có sự ấy. Nấu có sự phiền chán do ý tưởng về Vô lượng thức xứ thì ở đây ta cũng không có sự ấy. ở đây, chỉ có sự phiền chán do ý tưởng về Vô sở hữu xứ." Nếu trong đó không có gì cả thì chính vì vậy mà vị ây thây là trông không; nêu trong đó còn có cái khác thì vi ấy thấy là chân thật có. Này A-nan, đó là an

trú chân thật tánh không, không điên đảo. Lại nữa, này A-nan5 Tỳ-kheo nếu muốn an trú nhiều trong tánh không, Tỳ- kheo ấy đừng suy niệm đến ý tưởng về Vô lượng thức xứ, đừng suy niệm đến ý tưởng về Vô sở hữu xứ, mà hãy thường suy niệm thuần nhất về Vô tưởng tâm đinh. Vị ấy nhận biết như vầy: "Trống không ý tưởng về Vô lượng thức xứ, trông không ý tưởng vê Vô sở hữu xứ; nhimg có cái không trông không, đó là chỉ có ý tưởng thuần nhất về Vô tưởng tâm định.,, Vi ấy biết rằng: "Nếu có sự phiền chán do ý tưởng về Vô lượng thức xứ thì ở đây ta không có sự ấy. Nếu có sự phiền chán do ý tưởng ve Vô sở hữu xứ thì ở đây ta cũng không có sự ấy. ở đây, chỉ có sự phiền chán do ý txrởng thuần nhất về Vô tưởng tâm djnh." Nếu trong đó không có gì cả thì chính vì vậy mà vi ấy thấy là trống không; nếu trong đó còn có cái khác thì vi ấy thấy là chân thật có. Này A-nan, đó là an trú chân thật tánh không, không điên đảo. Vị ấy lại suy nghĩ như vầy: "V6 tưởng tâm đinh mà ta đã có đây, vốn là sở hành, vốn là sở tư. Nếu vốn là sở hành, vốn là sở tư thì ta không ái lạc nó, không mong cầu nó, không nên an trú trên n6." Vi ấy biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu và vô minh lậu; giải thoát roi thì biết là mình đã giải thoát, biết như thật rằng: "Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cân làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.,, Vị ây biêt như vầy: "Trống không dục lậu, trống không hữu lậu, trống không vô minh lậu; nhưng có cái không trông không, đó là chỉ có thân này của ta với sáu xứ cho mạng tôn tại.” Vị ây biêt răng: uNêu có sự phiên chán do dục lậu thì ta không CÓ sự ây. Nêu có sự phiên chán do hữu lậu và vô minh lậu thì ta cũng không có sự ấy. ở dây, chỉ có sự phiền chán do nơi thân này của ta và sáu xứ cho mạng tồn tai." Nếu trong đó không có gì cả thì chính vì vậy mà vị ấy thấy là trống không; nếu trong đó còn có cái khác thì vị ấy thấy là chân thật có. Này A-nan, đó là an tru chân thật tánh không, không điên đảo. Đó là lậu tận, vô lậu, vô vi, tâm giải thoát. Này A-nan, trong quá khứ, nêu có các đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đăng Chánh Giác, các vi ấy đều an trú chân thật tánh không, không điên đảo này, đó là lậu tận, vô lậu, vô vi, tâm giải thoát.

Này A-nan, trong vị lai, nếu có các đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, các vị ây đêu an trú chân thật tánh không, không điên đảo này, đó là lậu tận, vô lậu, vô vi, tâm giải thoát. Này A-nan, trong hiện tại, Ta là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Ta cũng an trú chân thật tánh không, không điên đảo này, đó là lậu tận, vô lậu, vô vi, tâm giải thoát. Cho nên, này A-nan, hãy học như vậy! Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

191. KINH ĐẠI KHÔNG Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa giữa những người họ Thích, ở trong thành Ca-duy- la-vệ, rừng Ni-câu-loại. Bấy giờ, đức Thế Tôn sau khi đêm đã qua, vào buổi sáng sớm, đắp y, cầm bát đi vào thành Ca-duy-la-vệ khất thực. Sau khi ăn xong, sau buổi trưa, Ngài đi đến tinh xá Ca-la-sai-ma-thỉch. Lúc bấy giờ, tại tinh xá Ca-la-sai-ma-thích có sáp đặt rát nhiêu giường chõng, có rát nhiêu Tỳ-kheo trú nghỉ ở trong đó. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn từ trong tinh xá Ca-la-sai-ma-thích đi ra, đến tinh xá Già-la-thích. Bấy giờ, Tôn giả A-nan và rất nhiều Tỳ-kheo ở trong tinh xá Già- la-thích đang làm y, Tôn giả A-nan từ xa trông thấy đức Phật sắp đến, liền ra nghinh tiếp, cầm y

bát của Phật, trở vào trải giường ngồi, múc nước rửa chân. Phật rửa chân rồi ngồi trên chỗ ngồi mà A-nan đã trải sẵn trong tinh xá Già-la- thích và nói: Này A-nan, trong tinh xá Ca-la-sai-ma-thích có sắp đặt rất nhiều giường chõng, có rất nhiều Tỳ-kheo trú nghỉ ở trong đó chăng? Tôn giả A-nan bạch: Quả như vậy, bạch Thế Tôn, trong tinh xá Ca-la-sai-ma-thích có sắp đặt rất nhiều giường chõng và có rất nhiều Tỳ-kheo đang tru nghỉ ở trong đó. Vì sao? Vì chúng con hôm nay đang làm y. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo A-nan: Tỳ-kheo không nên ham muôn nói chuyện ôn ào, hoan lạc trong sự nói chuyện ồn ào, tụ tập để nói chuyện ồn ào, ham muốn đông người, hoan lạc với sự âỗnệ người, tụ tập đông người, không thích rời xa chỗ đônệ người, không thích sông cô độc ở nơi xa vắng. Tỳ-kheo nào ham nói chuyện ôn ào, hoan lạc trong sự nói chuyện ồn ào, tụ tập để nói chuyện ồn ào, ham muốn đông người, hoan lạc với sự đông người, tụ tập đông người, không muốn rời xa chỗ đông người, không thích sống cô độc ở nơi xa vắng; vị ấy nếu có hoan lạc nơi sự hoan lạc của bậc Thánh, hoan lạc vô dục, hoan lạc viễn ly, hoan lạc tịch tịnh, hoan lạc chánh giác, hoan lạc không tài sản, hoan lạc phi sanh tử thì đoi với những hoan lạc này, vị ấy đạt được dễ dàng, không khó; trường hợp này không thể xảy ra. Này A-nan, Tỳ-kheo nào không ham muôn nói chuyện ôn ào, không hoan lạc trong sự nói chuyện ồn ào, không tụ tập để nói chuyện ồn ào, không ham muốn đông người, không hoan lạc với sự đông người, không tụ tập đông người,

muốn xa rời chỗ đông người, thường hoan lạc trong sự sống cô độc nơi xa vắng; vi ấy nếu có sự hoan lạc của bậc Thánh, hoan lạc vô dục, hoan lạc viễn ly, hoan lạc tịch tinh, hoan lạc chánh giác, hoan lạc không tài sản, hoan lạc phi sanh tử thì đối với những hoan lạc này, vị ấy đạt được dễ dàng, không khó; trường hợp này tất có xảy ra. Này A-nan, Tỳ-kheo không nên ham muôn nói chuyện ôn ào, hoan lạc trong sự nói chuyện ồn ào, tụ tập để nói chuyện ồn ào, ham muốn đông người, hoan lạc với sự đông người, tụ tập đông người, không thích rời xa chỗ đông người, không thích cô độc nơi xa vắng. Tỳ-kheo nào ham muốn nói chuyện ồn ào, hoan lạc trong sự nói chuyện ôn ào, tụ tập đê nói chuyện ôn ào, ham muôn đông người, hoan lạc với sự đông người, tụ tập đông người, không muốn rời xa chỗ đông người, không thích sống ở nơi cô độc xa vắng; nếu vị ấy chứng đắc thời ái tâm giải thoát và bất thời bất động tâm giải thoát; trường hợp này hoàn toàn không xảy ra. Này A-nan, Tỳ-kheo nào không ham muôn nói chuyện ôn ào, không hoan lạc trong sự nói chuyện ồn ào, không tụ tập để nói chuyện ồn ào, không ham muốn đông người, không hoan lạc với sự đông người, không tụ tập đông người, muốn xa rời chỗ đông người, thường hoan lạc trong sự sống cô độc nơi xa vắng; vị ấy chứng đắc thời ái tâm giải thoát và bất thời bất động tâm giải thoát; trường hợp này tất có xảy ra. Vì sao vậy? Này A-nan5 Ta không thây có một sác nào khiên Ta ham muôn, hoan lạc; và khi sắc ấy bại hoại, biến dịch, đổi khác thì sanh ra sầu, bi, khóc lóc, ưu, khổ, ảo não. Vì vậy, Ta an trú nơi một trú xứ khác mà thành tựu Chánh đẳng Chánh giác, đó là vượt qua tất cả sắc tưởng, an trú nơi ngoại không. Này A-nan, Ta an trú nơi trú xứ này rồi, phát sanh sự hoan duyệt; sự hoan duyệt này Ta cảm thọ trong toàn thân với chánh niệm, chánh trí, rồi phát sanh hỷ, phát sanh khinh an, phát sanh lạc, phát sanh định; định này Ta cảm thọ toàn thân với chánh niệm, chánh trí. Này A-nan, nếu

có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc hay ưu-bà-di nào tìm đên Ta, Ta sẽ vì họ mà an trú tâm như vậy, viên ly, an lạc, vô dục; Ta cũng vì họ mà thuyết pháp, khuyến khích, hỗ trợ họ. Này A-nan, Tỳ-kheo nào muốn thường an trú trong tánh không, Tỳ-kheo ây sẽ giữ vững nội tâm, an trú, tĩnh chỉ, khiên được chuyên nhát và định. Vị ây sau khi giữ vững nội tâm, an trú, tĩnh chỉ, khiến được chuyên nhất và định rồi, hãy suy niệm về nội không. Này A-nan, nếu Tỳ-kheo nói như vầy: “T6i không giữ vững nội tâm, an trú, tĩnh chi, không khiến được chuyên nhất và djnh", thì này A-nan? nên biết vi ấy tự làm cho mình rất phiền nhọc. Này A-nan, thế nào là Tỳ-kheo giữ vững nội tâm, an tru, tĩnh chí, khiến được chuyên nhất và định? Tỳ-kheo đối với thân này có hỷ lạc do ly dục phát sanh, thấm ướt khắp tất cả, tham nhuần một cách phổ biến sung mãn; hỷ lạc do ly dục sanh không chỗ nào không biến mãn. Này A-nan, cũng như một người tắm gội, bỏ bột tắm trong

y 2 r r \ 9 e r r y đô đựng roi đô nước vào, khuây rát đêu cho nôi bọt lên, thâm ướt, thâm nhuân khắp tất cả, phổ biến sung mãn, trong ngoài kín dáo, không có chỗ nào rỉ ra. Cũng vậy, này A-nan, Tỳ-kheo nơi thân này có hỷ lạc do ly dục phát sanh, thấm ướt khắp tất cả, thấm ướt một cách phổ biến sung mãn; hỷ lạc do ly dục sanh không có chỗ nào không biến mãn. Này A-nan, như vậy, Tỳ-kheo giữ vững nội tâm an trú, tĩnh chỉ, khiến cho chuyên nhát và định roi, hãy suy niệm vê nội không. Vị ây sau khi suy niệm vê nội không rồi, tâm bèn di động, không hướng đến gần, không được lặng trong, không an trú, không giải thoát đối với nội không; Tỳ-kheo ấy hãy suy niệm về ngoại không. Vị ấy sau khi suy niệm về ngoại không rồi, tâm di động, không hướng đên gân, không được lặng trong, không an trú, không giải thoát đôi với ngoại không. Này A-nan, nêu Tỳ-kheo frong lúc quán, biêt răng mình đang suy niệm về ngoại không mà tâm di động, không hướng đến gần, không được lặng trong, không an trú, không được giải thoát đối với ngoại không, Tỳ-kheo ấy hãy suy nghĩ về nội ngoại không. Vi ấy sau khi suy niệm về nội ngoại không rồi mà tâm di động, không hướng đến gần, không được lặng trong, không an trú, không giải thoát đối với nội ngoại không. Này A-nan, nếu Tỳ-kheo trong lúc quán, biết rằng mình đang suy niệm vê nội ngoại không mà tâm di động, không hướng đên gân, không được lặng trong, không an trú, không được giải thoát đối với nội ngoại không, Tỳ-kheo ấy hãy suy niệm về sự không di động. Vị ấy sau khi suy niệm về sự không di động mà tâm di động, không hướng đến gần, không được lăng trong, không an trú, không giải thoát đối với sự bất di động. Này A-nan, nếu Tỳ-kheo nào trong lúc quán sát, biết rằng mình đang suy niệm về sự không di động mà tâm di động, không hướng đến gần, không được lặng trong, không an trú, không giải thoát đoi với sự không di động; Tỳ- kheo ấy có tâm như thế này hay thế khác, bằng định như thế này hay thế khác mà điều phục rồi lại điều phục, tu tập rồi lại tu tập, nhu nhuyến rồi lại nhu nhuyến, rất hân hoan trong sự nhu hòa, rất tinh lạc trong sự viễn ly. Nếu vị ấy có tâm như thế này hay thế khác, bằng định như thế này hay thế khác mà điều phục rồi lại điều phục, tu tập rồi lại tu tập, nhu nhuyến rồi lại nhu nhuyến, rất hân hoan trong sự nhu hòa, rát tinh lạc trong sự viên ly roi, hãy băng nội không mà thành tựu an trú. Vi ấy sau khi nội không thành tựu, an trú, tâm không di động, hướng

đến gần, được lặng trong, an trú, giải thoát đối với nội không. Này A-nan, Tỳ-kheo trong lúc quán, biết nội không thành tựu, an trú, tâm không di động, hướng đến gần, được lặng trong, an trú, được giải thoát đối với nội không; đó là chánh tri. Này A-nan, Tỳ-kheo hãy bàng ngoại không thành tựu an trú. Vị ấy sau khi băng ngoại không thành tựu an trú thì tâm không di động, hướng đên gân, được

lặng trong, an trú, giải thoát đối với ngoại không. Này A-nan, như vậy, Tỳ-kheo trong lúc quán, biết ngoại không thành tựu an trú, tâm không di động, hướng đến gần, được lặng trong, an trú, giải thoát đối với ngoại không; đó là chánh tri. Này A-nan, Tỳ-kheo hãy băng nội ngoại không thành tựu an tru. Vị ây sau khi bằng nội ngoại không thành tựu an tru thì tâm không di động, hướng đến gần, được lặng trong, an trú, giải thoát đối với nội ngoại không. NàyA-nan, như vậy, Tỳ-kheo trong lúc quán, biết nội ngoại không thành tựu an trú, tâm không di động, hướng đến gần, được lặng trong, an trú, giải thoát đối với nội ngoại không; đó gọi là chánh tri. Này A-nan, hãy băng bát di động thành tựu an trú. Vị ây sau khi băng bát di động thành tựu an tru, tâm không di động, hướng đến gần, được lặng trong, an trú, giải thoát đối với bất di động. Này A-nan, như vậy, Tỳ-kheo trong lúc quán, biết bất di động thành tựu an trú, tâm không di động, hướng đến gần, được lặng trong, an trú, giải thoát đối với bất di động; đó gọi là chánh tri. Này A-nan, vị Tỳ-kheo ấy với tâm an trú trên trú xứ này, nếu muốn kinh hành, Tỳ-kheo ấy từ thiền thất đi ra, đi kinh hành trên khoảng đất trống, trong bóng mát của thiền thất, các căn hướng vào trong tâm, không hướng ra ngoài, lấy phía sau tác ý làm phía trước. Sau khi kinh hành như vậy rồi, trong tâm không sanh tham lam, ưu sầu, các ác, bất thiện pháp; đó gọi là chánh tri. Này A-nan, vị Tỳ-kheo ây với tâm an trú trong trú xứ này, nêu muôn tọa định, Tỳ-kheo ấy rời khỏi chỗ kinh hành, đến cuối con đường kinh hành, trải ni-sư-đàn? ngồi kiết-già. Sau khi ngồi vững vàng như vậy rồi, trong tâm không sanh tham lam, ưu sầu, các ác pháp bất thiện; đó gọi là chánh tri. Này A-nan, vi Tỳ-kheo ấy với tâm an tru frong trú xứ này, nếu muốn có suy niệm, Tỳ-kheo ây đôi với ba sự suy niệm vê ác, bát thiện này là niệm dục, niệm nhuế và niệm hại, đừng suy niệm đến ba suy niệm ác, bất thiện ấy; đối với ba suy niệm thiện này là niệm vô dục, niệm vô nhuế và niệm vô hại, hãy suy niệm trên ba suy niệm thiện ây. Sau khi suy niệm như vậy roi, trong tâm không sanh tham lam, ưu sầu, các ác, bất thiện pháp; đó gọi là chánh tri. Này A-nan9 vị Tỳ-kheo ấy với tâm an trú trong tru xứ này, nếu muốn luận bàn, Tỳ-kheo ấy luận bàn những gì không phải là Thánh luận, không tương ưng với lợi ích cứu cánh, tức là luận bàn về những vấn đề vua chúa, đạo tặc, đấu tranh, ẩm thực, áo chăn, đàn bà, đồng nữ, dâm nữ, thế gian, tà đạo, trong biển; vị ây không bàn luận các loại súc sanh luận như vậy. Nêu có những vân đê thuộc Thánh luận, tương ưng với cứu cánh, khiến tâm nhu hòa, không có những sự che đậy, tức là vấn đề thí, giới, định, giải thoát, giải thoát tri kiến, tiệm giảm, không tụ hội9 thiểu dục, tri túc, vô dục, đoạn diệt, tĩnh tọa, duyên khởi. Sau khi luận bàn những vân đê mà Sa-môn luận bàn như vậy roi, trong tâm không sanh tham lam, tru sầu, các ác, bất thiện pháp; đó gọi là chánh tri.

191. KINH ĐẠI KHÔNG 1093

Lại nữa, này A-nan, có năm diệu dục, khả lạc, khả v, khả niệm, sắc ái lạc tương ưng với dục; đó là sác được biêt bởi mat, tiêng được biêt bởi tai, hương được biết bởi mũi, vị được biết bởi lưỡi, xúc được biết bởi thân. Tỳ-kheo với tâm chuyên chú, quán năm diệu dục này, tùy theo diệu dục ấy mà có hành ấy trong tâm. Vì sao vậy? Không trước, không sau, năm diệu dục này tùy theo diệu dục nào mà có hành ấy trong tâm. Này A-nan, Tỳ-kheo trong lúc quán, biêt năm diệu dục này tùy theo diệu dục nào mà có hành ây trong tâm. Tỳ-kheo ấy với diệu dục này hay diệu dục kia, quán là vô thường, quán suy hao, quán vô dục, quán đoạn, quán diệt, quán xả ly. Nếu năm diệu dục này có dục, bị nhiễm dục, chúng tức thì bi tiêu diệt. Này A-nan, nếu Tỳ-kheo khi quán như vậy, biết năm diệu dục này có dục và bi nhiễm dục, chúng đã bị đoạn trừ rồi; đó gọi là chánh tri. Lại nữa, này A-nan, có năm thạnh âm, săc thạnh âm, thọ, tưởng, hành, thức thạnh âm. Tỳ-kheo như vậy mà quán sát sự hưng suy, quán sát răng: Đây là sác, đây là sự tập khởi của sắc, đây là sự diệt tận của sắc; đây là thọ, tưởng, hành và thức; đây là thức, đây là sự tập khởi của thức, đây là sự diệt tận của thức. Nấu năm thạnh ấm này có ngã mạn, nó liền bị tiêu diệt. Này A-nan, nếu Tỳ-kheo khi quán như vậy, biết trong năm thạnh ấm, ngã mạn đã bi diệt rồi; đó gọi là chánh tri. Này A-nan, pháp này tuyệt đối khả ý, tuyệt đối khả lạc, tuyệt đối ý niệm, vô lậu, vô thủ, mà không đên gân được, ác không thê đên gân được; các ác pháp bất thiện ô uế, làm gốc rễ cho sự hữu trong tương lai, là phiền nhiệt, khổ báo, là nhân của sanh, già, bệnh, chết, cũng không thể đến gần được; tức là thành tựu sự không phóng dật này. Vì sao vậy? Nhân không phóng dật mà Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác chứng đắc giác ngộ; nhân gốc rễ không phóng dật mà phát sanh vô lượng thiện pháp, cho đên các trợ đạo phàm. Cho nên, này A-nan, thầy phải học như vầy: "Ta cũng thành tựu nơi sự không phóng dat." Hãy học như vậy! Này Anan, do nghĩa lợi nào mà một tín đệ tử đi theo Thê Tôn và phụng sự cho đến trọn đời? Tôn giả A-nan bạch Thế Tôn: Thế Tôn là Pháp bổn, Thế Tôn là Pháp Chủ, pháp do Thế Tôn. Cui mong Thế Tôn thuyết giảng điều đó! Con nay sau khi nghe xong sẽ được biết rộng ý nghĩa ấy. Đức Phật bèn nói: Này A-nan, hãy lắng nghe, hãy khéo tư niệm, Ta sẽ khéo phân biệt đầy đủ cho thày nghe! Tôn giả A-nan vâng lời lăng nghe.

1094 KINH TRUNG A-HÀM

Đức Phật nói: Này A-nan, không phải chỉ vì Chánh kinh, Ca vịnh, Ký thuyết mà một tín đệ tử đi theo Thế Tôn để phụng sự cho đến trọn đời. Nhimg này A-nan, hoặc từ •.£ r y lâu vị ây đã từng nghe pháp này, tụng tập đên cả ngàn lân, chuyên ý tư duy quán sát, thây rõ, thâu triệt sâu xa. Nêu vân đê này là Thánh luận, tương ưng với cứu cánh, khiên tâm nhu hòa, không có những che lâp, tức các vân đê bô thí, giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiên, tiệm giảm, không tụ hội, thiêu dục, tri túc, vô dục, đoạn diệt, tĩnh tọa, duyên khởi; những vân đê mà Sa-môn luận bàn như vậy, được dễ dàng chứ không khó; do ý nghĩa này mà một tín đệ tử đi theo Thế Tôn để phụng sự cho đến trọn đời. Này A-nan, như vậy là phiền lụy cho Tôn sư, phiền lụy cho đệ tử, phiền lụy cho các vi đồng Phạm hạnh. Này A-nan, thế nào là phiền lụy cho Tôn sư? ở đây, một vị Tôn sư

xuất thế có sách lự tư duy, an tru nơi chỗ sách lự tư duy mà quán sát các loại phàm nhân có biện tài; vị ấy đi đến nơi rừng vắng, trong rừng sâu, nơi gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bặt không tiếng động, lánh xa, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa, hoặc sống tại nơi đó mà học sự viễn ly, tinh cần, được tăng thượng tâm, sống an lạc ngay trong hiện tại. Vị ấy sau khi học sự viễn ly, tinh càn, sống an ổn, khoái lạc rồi, theo các đệ tử trở về với các Phạm chí, cư sĩ, phong áp, quôc nhơn. Vị ây sau khi theo đệ tử trở vê với các Phạm chí, cư sĩ, phong ấp, quốc nhơn, bèn tự cao mà trở về nhà. Như vậy là làm phiền lụy cho Tôn sư và cũng là pháp ác, bất thiện, ô uế, là gốc rễ cho sự hữu trong tương lai, nhân của phiền nhiệt, khổ báo, sanh, già, bệnh, chết; đó là phiền lụy cho Tôn sư. Này A-nan, thế nào là phiền lụy cho đệ tử? Đệ tử của vị Tôn sư ấy học sự viễn ly của vị ấy; vị ấy sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, nơi gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bặt không tiếng động, xa lánh, không cổ sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa, hoặc sống tại nơi đó mà học sự viễn ly, tinh cần, được tăng thượng tâm, sống an lạc ngay trong hiện tại. Vị ấy sau khi học sự viễn ly, tinh cần, sống an ổn, khoái lạc rồi, bèn theo đệ tử trở về với các Phạm chí, cư sĩ, phong áp, quôc nhơn. Vị ây sau khi theo đệ tử trở vê với các Phạm chí, cư si, phong áp, quôc nhơn roi, bèn tự cao mà trở vê nhà. Như vậy là làm phiền lụy cho đệ tử và cũng là pháp ác, bất thiện, ô uế, là gốc rễ của sự hữu trong tương lai, nhân của phiên nhiệt, khô báo, sanh, già, bệnh, chét; đó là phiền lụy cho đệ tử. Này Anan, thế nào là phiền lụy cho các vi Phạm hạnh? ở đây, đức Như Lai xuất thế, Ngài là bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Su, Phật, Thê Tôn, Ngài sông nơi rừng văng, trong rừng sâu, nơi góc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bặt không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa.

191. KINH ĐẠI KHÔNG 1095

Này A-nan, đức Như Lai vì nghĩa lợi nào mà sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, nơi gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bặt không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa? Tôn giả A-nan bạch đức Thế Tôn: —Thế Tôn là Pháp bổn, Thế Tôn là Ph Chil, pháp do Thế Tôn. Cúi mong Thế Tôn thuyết giảng điều ấy! Con nay sau khi nghe xong sẽ được biết rộng nghĩa ấy. Đức Phật bèn nói: Này A-nan, hãy lắng nghe, hãy tư niệm, Ta sẽ phân biệt đầy đủ cho thầy nghe! Tôn giả A-nan vâng lời lăng nghe. Đức Phật nói: -Này A-nan, Như Lai không phải vì để được những gì chưa được, thu hoạch những gì chưa thu hoạch, chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ mà sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, nơi gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bặt không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa. Này A-nan, vì hai ý nghĩa mà Như Lai sông nơi rừng văng, trong rừng sâu, nơi gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bặt không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa: Một là sống an lạc ngay trong hiện tại cho chính mình; hai là từ mẫn đối với những người đòd sau. Hoặc giả, đời sau người người noi theo Như Lai mà sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, nơi gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bặt không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa. Này A-nan, chính vì nghĩa lợi này mà Như Lai sống trong rừng

vắng, trong rừng sâu, nơi gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bặt không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa; hoặc sống ở nơi đó mà học sự viễn ly, tinh cần, được tăng thượng tâm, sống an lạc ngay trong hiện tại. Như Lai sau khi được học sự viễn ly, tinh cần, sống an ổn, khoái lạc rồi, cùng các vi Phạm hạnh mà trở vê với các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, iru-bà-tăc, ưu-bà-di. Như Lai sau khi cùng các vị Phạm hạnh trở vê với các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, iru-bà-tăc, ưu-bà-di roi, không tự cao mà không vê nhà. Này A-nan, nêu vị ây chứng ngộ bát động tâm giải thoát thì Ta không nói vị ấy có sự chướng ngại. Nhưng nếu vị ấy chứng đắc bốn tăng thượng tâm, sống an lạc trong hiện tại, vốn do trước kia sống tinh cần, không phóng dật, thời ở đây hoặc giả có thể bị thối thất vì sự tụ hội đông đảo nhiều đẹ tử. Lại nữa, này A-nan, đệ tử của Tôn sư ấy noi theo Tôn sư mà sống nơi rừng vắng, trong rừng sâu, nơi gốc cây, hoặc ở trên sườn cao, vắng bặt không tiếng động, xa lánh, không có sự dữ, không có bóng người, tùy thuận mà tĩnh tọa; hoặc sống tại nơi đó mà học sự viễn ly, tinh cần, được tăng thượng tâm, sống

an lạc ngay trong hiện tại. Vị ấy sau khi học sự viễn ly, tinh cần, sống an ổn, khoái lạc roi, theo các vị Phạm hạnh mà trở vê với các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, iru-bà-tắc, ưu-bà-di. Vị ấy sau khi theo các vị Phạm hạnh trở về với các Tỳ- kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, iru-bà-di rồi, bèn tự cao mà trở về nhà. Như vậy là phiền lụy cho các vị Phạm hạnh và cũng là các pháp ác, bất thiện, là gốc rễ của Sự hữu trong tương lai, nhân của phiên nhiệt, khô báo, sanh, già, bệnh, chét; đó gọi là phiền lụy cho các vi Phạm hạnh. Này A-nan, trong sự phiền lụy Tôn sư và đệ tử, sự phiền lụy cho các vị Phạm hạnh rất là bất khả, không khả lạc, không khả ái, rất là không khả ái, khả niệm. Cho nên này A-nan, các thày đối với Ta, hãy hành sự từ hòa, đừng gây sự oán hận! Này A-nan? thê nào là đệ tử đôi với Tôn sư mà gây sự oán hận, không hành sự từ hòa? Nêu Tôn sư thuyêt pháp cho đệ tử là vì thương yêu, lo lăng, mong cầu thiện lợi và phước lành, mong càu sự an ổn, khoái lạc cho đệ tử mà phát khởi tâm từ bi ya nói rằng: “Bây là điều hữu ích, đây là sự an lạc, đây là sự hữu ích an lac?9 Nếu đệ tử ấy không cung kính, cũng không tùy thuận theo, không an tru nơi chánh trí, tâm không hướng đến pháp tùy pháp hành, không thọ lãnh Chánh pháp, trái phạm những điều Tôn sư dạy, không được đinh; đệ tử như vậy là đối với Tôn sư mà gây sự oán hận, không hành sự từ hòa. Này A-nan, thế nào là đệ tử đối với Tôn sư hành sự từ hòa, không gây sự oán hận? Nếu Tôn sư thuyêt pháp cho đệ tử nghe, thương yêu, lo lăng, mong câu thiện lợi và an lành, mong câu sự an ôn, khoái lạc cho đệ tử mà phát khởi tâm từ bi và nói răng: "Dây là điều hữu ích, đây là sự an lạc, đây là sự hữu ích an 0C.” Nếu đệ tử thuận hành theo, an lập nơi chánh trí, tâm quy hướng đến pháp tùy pháp hành, thọ lãnh Chánh pháp, không trói phạm lời giáo huấn của Tôn sư, có thể được định; vị đệ tử như thê là đôi với Tôn sư mà hành sự từ hòa, không gây sự oán hận. Cho nên này A-nan, các thầy đối với Ta, hãy hành sự từ hòa, đừng gây sự oán hận. Vì sao vậy? Này A-nan, Ta không nói như vầy: "Nhu người thợ gốm làm đồ gốm.,, Nhưng này A-nan, Ta nói: "Nghiêm khắc, khắc khổ/5 Cái gì chắc thật, cái ấy đứng vững. Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.